

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KHOA MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN MAI HOA

BÁO CÁO SEMINAR HỌC THUẬT

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HOÀNG MAI

HÀ NỘI, 6/2023

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỞ ĐẦU | 5 |
| CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN – KINH TẾ - XÃ HỘI | 6 |
| 1.1. Điều kiện tự nhiên | 6 |
| 1.1.1. Vị trí địa lý | 6 |
| 1.1.2. Địa hình, địa chất | 6 |
| 1.1.3. Đặc điểm khí hậu..... | 7 |
| 1.1.4. Đặc điểm thủy văn..... | 8 |
| 1.1.5. Tài nguyên đất..... | 10 |
| 1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội | 11 |
| 1.2.1. Đặc điểm kinh tế | 11 |
| 1.2.2. Đặc điểm xã hội..... | 13 |
| CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | 18 |
| 2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường | 18 |
| 2.1.1. <i>Hiện trạng môi trường đất</i> | 18 |
| 2.1.2. <i>Hiện trạng môi trường nước mặt</i> | 19 |
| 2.1.3. <i>Hiện trạng môi trường không khí</i> | 28 |
| 2.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Quận | 34 |
| 2.3. Các vấn đề môi trường chính | 38 |
| 2.4. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường..... | 39 |
| 2.4.1. <i>Cơ cấu tổ chức và nguồn lực bảo vệ môi trường</i> | 39 |
| 2.4.2. <i>Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường</i> | 39 |
| 2.4.3. <i>Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường</i> | 42 |
| 2.4.4. <i>Các hoạt động bảo vệ môi trường (thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; cải tạo, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm tồn lưu; hoạt động bảo vệ môi trường khác trên địa bàn)</i> | 43 |
| 2.4.5. <i>Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân</i> | 44 |
| 2.5. Đề xuất giải pháp | 45 |
| 2.5.1. <i>Giải pháp về quản lý</i> | 45 |
| 2.5.2. <i>Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường</i> | 45 |

| | |
|---|----|
| 2.5.3. Giải pháp kỹ thuật | 46 |
| 2.5.4. Giải pháp giáo dục truyền thông..... | 47 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... | 48 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 50 |
| PHỤ LỤC | 52 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1.1. Phân bố diện tích các loại đất trên địa bàn quận | 10 |
| Bảng 2.2. Vị trí lấy mẫu đất..... | 18 |
| Bảng 2.3. Kết quả phân tích mẫu đất | 18 |
| Bảng 2.4. Vị trí lấy mẫu nước mặt tại khu vực Quận Hoàng Mai | 19 |
| Bảng 2.5. Kết quả quan trắc và phân tích các mẫu nước mặt tại các khu quận Hoàng Mai..... | 22 |
| Bảng 2.6. Vị trí quan trắc các mẫu không khí khu công nghiệp Hoàng Mai | 28 |
| Bảng 2.7. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu không khí tại KCN Hoàng Mai | 28 |
| Bảng 2.8. Vị trí quan trắc các mẫu không khí khu vực giao thông và các bến xe | 30 |
| Bảng 2.9. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu không khí khu vực giao thông và các bến xe | 30 |
| Bảng 2.10. Vị trí quan trắc các mẫu không khí tại Khu dân cư quận Hoàng Mai | 31 |
| Bảng 2.11. Kết quả quan trắc và phân tích các mẫu không khí tại các khu dân cư | 33 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1.1. Bản đồ hành chính Quận Hoàng Mai | 6 |
| Hình 1.2. Nhiệt độ trung bình tháng của quận Hoàng Mai..... | 7 |
| Hình 1.3. Lượng mưa trung bình 12 tháng của quận Hoàng Mai | 8 |
| Hình 1.4. Bản đồ quy hoạch Quận Hoàng Mai | 11 |

MỞ ĐẦU

Theo Luật Bảo vệ môi trường, định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh. Báo cáo hiện trạng môi trường được xây dựng dựa trên hướng dẫn quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015. Để có cơ sở dữ liệu cung cấp cho Sở TNMT thành phố Hà Nội lập báo cáo hiện trạng môi trường thành phố năm 2022, thì các quận/huyện trên địa bàn thành phố cần thực hiện tốt công tác báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn của mình.

Trong những năm qua, đi cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của quận Hoàng Mai cũng sẽ tạo ra nhiều sức ép lên môi trường. Hoạt động xây dựng đường giao thông, đô thị, sản xuất công nghiệp tăng lên cùng hoạt động của các làng nghề, sản xuất nông nghiệp,... của Quận đã đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường đòi hỏi cần nâng cao nỗ lực trong quản lý và kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường. Vì vậy, báo cáo công tác BVMT của quận đã được đơn vị tư vấn thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo được xây dựng với mục tiêu cung cấp những vấn đề tổng quan về hiện trạng môi trường của quận trong năm, đánh giá những nguồn tác động điển hình lên môi trường cũng như các vấn đề môi trường nổi cộm của quận, những kết quả đạt được và thách thức, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường trong năm; đồng thời đề xuất ra những khuyến nghị và giải pháp, những hoạt động cần thiết, phù hợp trong giai đoạn mới nhằm tạo bước chuyển biến căn bản về nhận thức và trách nhiệm của các nhà quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng xã hội đối với công tác bảo vệ môi trường của quận.

CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN – KINH TẾ - XÃ HỘI

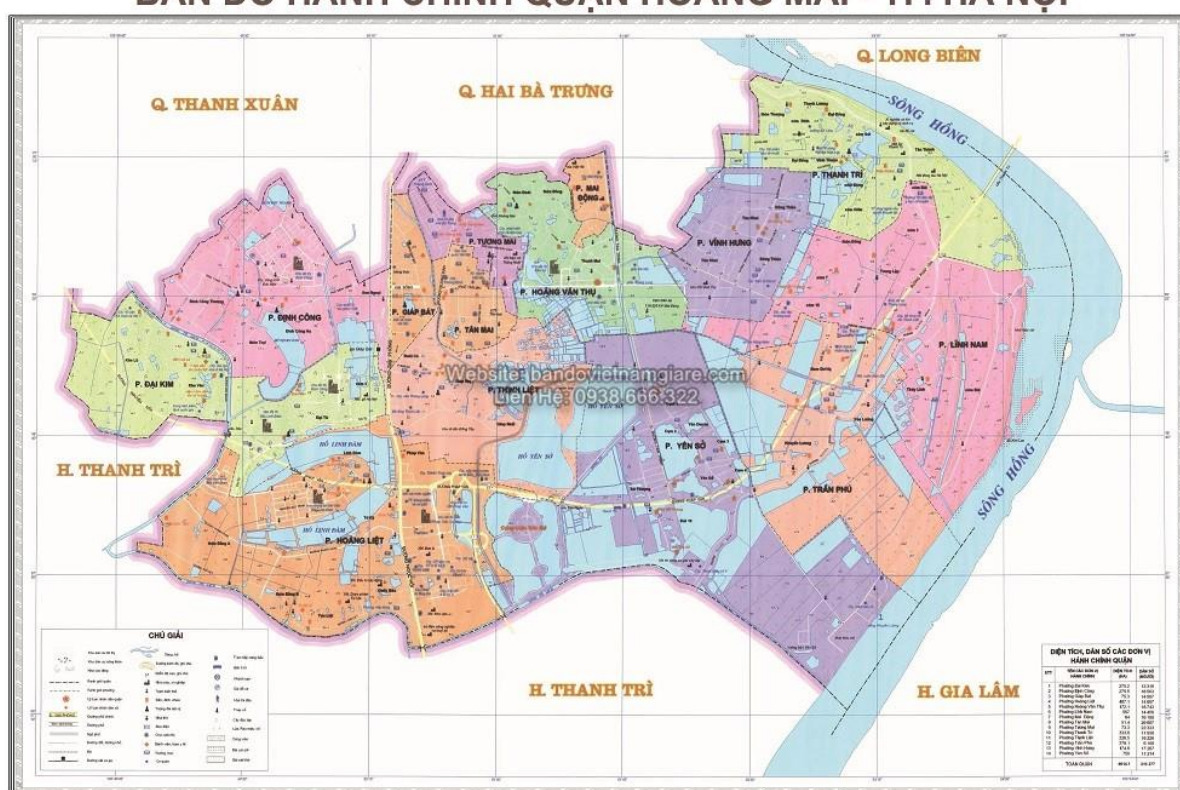
1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

- Quận Hoàng Mai nằm ở phía Nam trung tâm thành phố Hà Nội. Tọa độ địa lý vào khoảng 20°53' –21°35' độ vĩ bắc và 105°44' – 106°02' độ kinh đông.

- + Phía Bắc giáp quận Hai Bà Trưng;
- + Phía Nam giáp huyện Thanh Trì;
- + Phía Tây giáp huyện Thanh Trì và quận Thanh Xuân;
- + Phía Đông giáp huyện Gia Lâm và quận Long Biên.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH QUẬN HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI



Hình 1.1. Bản đồ hành chính Quận Hoàng Mai

1.1.2. Địa hình, địa chất

* Địa hình: Hoàng Mai nằm ở vùng trũng, có độ cao trung bình khoảng 4 đến 5 m. Địa hình biến đổi dốc nghiêng từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông: Khu vực phía Bắc bao gồm các phường Mai Động, Hoàng Văn Thụ, Tương Mai, Tân Mai, Giáp Bát với độ cao từ 6 đến 6,2 m; khu vực phía Nam bao gồm các phường Đại Kim, Định Công, Hoàng Liệt, Thanh Trì, Vĩnh Hưng, Yên Sở, Lĩnh Nam và Trần Phú có độ cao từ 5,20 đến 5,8 m; Khu vực ao, hồ, vùng trũng có độ cao dưới 3,5 m.

* Địa chất: Căn cứ theo tài liệu địa chất khu vực Hà Nội (do chuyên gia Liên Xô cũ lập trước đây), quận Hoàng Mai nằm trên khu vực đất bồi châu thổ sông Hồng, chủ

yếu trong vùng đất thuận lợi có mức độ cho xây dựng (vùng đất II-2B và II-2C) và một phần trong vùng đất thuận lợi cho xây dựng (vùng I-1B, vùng I-1D, vùng I-2A và vùng I-3A). Phần ngoài đê sông Hồng nằm trong vùng không thuận lợi cho xây dựng (vùng đất III).

1.1.3. Đặc điểm khí hậu

Hoàng Mai cùng chung chế độ khí hậu của thành phố Hà Nội với đặc điểm là khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mang những đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, rõ nét nhất là sự thay đổi và khác biệt của hai mùa nóng, lạnh.

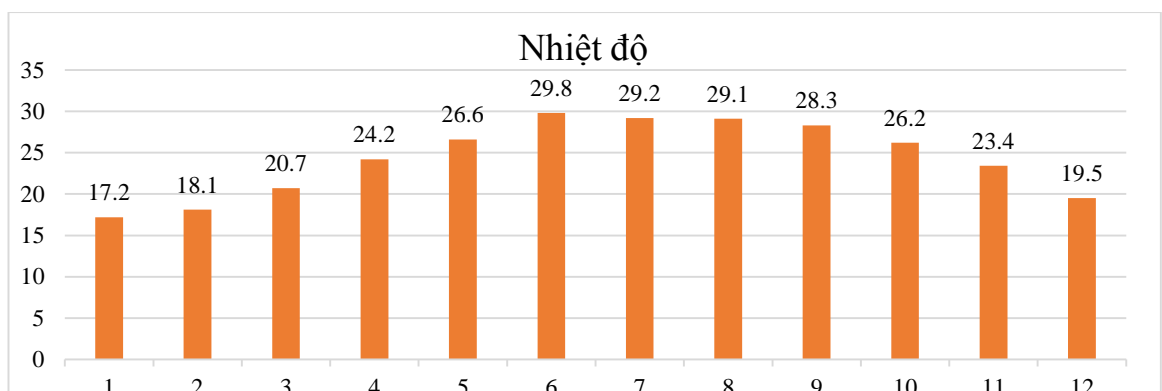
- Mùa xuân: từ tháng 2 - tháng 4: thời tiết mát mẻ. Nhiệt độ dao động từ 18 – 30°C. Đây là thời điểm thường có mưa phùn ẩm kèm theo nồm ẩm gây mất vệ sinh không gian sống.

- Mùa hè: từ tháng 5 - tháng 7 nổi bật với đặc trưng nắng, nóng. Nhiệt độ trong các tháng hè tương đối cao: từ 30 - 36°C. Một số đợt nóng cao điểm, nhiệt độ có thể lên đến mức 39 - 40°C. Mùa hè thường xuất hiện mưa lớn, thậm chí là chịu ảnh hưởng của một số cơn bão di chuyển từ biển vào.

- Mùa thu: Thời tiết mùa thu tương đối ôn hòa, có gió nhẹ. Nhiệt độ dao động từ 23 - 29°C.

- Mùa đông: nhiệt độ giảm sâu, cảm giác lạnh rõ rệt kèm cảm giác hanh khô, độ ẩm thấp. Nhiệt độ trung bình từ 15 - 19°C. Một số thời điểm rét sâu, nhiệt độ có thể giảm xuống dưới 10°C.

- Nhiệt độ trung bình năm: 29,5°C (lúc cao nhất lên tới 43,7°C) (biểu đồ 1.1)

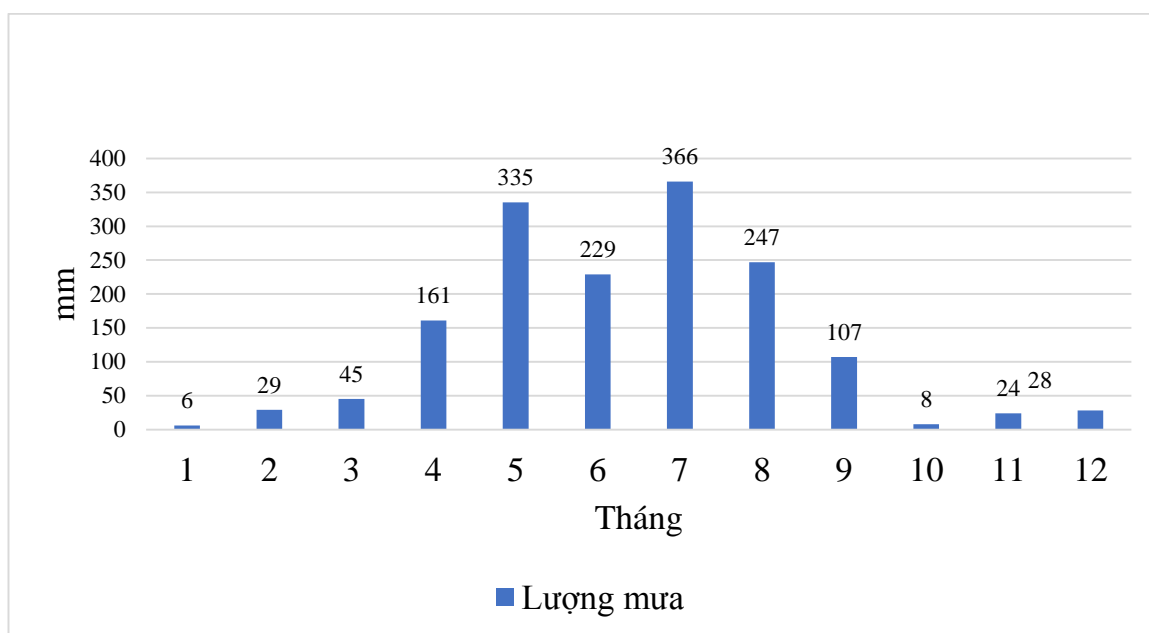


Hình 1.2. Nhiệt độ trung bình tháng của quận Hoàng Mai

- Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.800 mm đến 2.000 mm.

- Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7 (biểu đồ 1.2).

- Lượng mưa trung bình trong năm khá hơn nhưng phân bố không đồng đều trong năm, tập trung 80% vào mùa hè nên dễ ngập úng ở một số khu vực.



Hình 1.3. Lượng mưa trung bình 12 tháng của quận Hoàng Mai

1.1.4. Đặc điểm thủy văn

Quận Hoàng Mai chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn sông Hồng, lưu lượng trung bình hàng năm 2.710 m³/ngày. Mực nước sông Hồng lên xuống 9 ÷ 12 m.

Trên địa bàn Quận có 4 sông tiêu thoát nước chính của thành phố chảy qua (Tô Lịch, Lừ, Sét và Kim Ngưu).

- Sông Tô Lịch chảy qua địa phận các phường Định Công, Đại Kim và Hoàng Liệt. Sông bắt đầu từ phường Nghĩa Đô thuộc quận Cầu Giấy (phía nam đường Hoàng Quốc Việt), chảy cùng hướng với đường Bưởi, đường Láng, đường Khương Đình và đường Kim Giang về phía Nam, Tây Nam rồi ngoặt sang phía Đông Nam và đổ ra sông Nhuệ ở đối diện làng Hữu Từ thuộc xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì. Đây là con sông thoát nước chính cho khu vực phía Tây thành phố Hà Nội, tiếp nhận lượng nước thải 150.000 m³/ngày đêm.

- Sông Kim Ngưu là một nhánh tách ra từ sông Tô Lịch chảy qua phường Hoàng Liệt, Mai Động và Hoàng Văn Thụ. Sông Kim Ngưu dài 11,87 km là một phân lưu của sông Tô Lịch. Nó lấy nước từ Tô Lịch ở Cầu Giấy, chảy theo hướng Tây - Đông tới Đội Cán và lại lấy nước từ Tô Lịch khi tới ô Thụy Chương (Thụy Khê), chảy theo hướng Bắc - Nam (đoạn này còn gọi là sông Ngọc Hà), chảy qua Ngọc Khánh, Giảng Võ, Hào Nam, ô Chợ Dừa, Xã Đàn, Kim Liên, ô Cầu Dền, ô Đông Mác, Yên Sở, rồi hợp lưu trở lại ở Văn Điển. Đến lượt mình, Kim Ngưu lại có các phân lưu là sông Trung Liệt (tách ra tại Hào Nam), sông Sét và sông Lừ.

- Sông Lừ chảy qua địa phận phường Định Công, bán đảo Linh Đàm nối với sông Tô Lịch. Sông Lừ dài 5,242 km, là một phân lưu của sông Kim Ngưu, chảy qua địa bàn các phường Nam Đồng, Trung Tự, Kim Liên, Khương Thượng, Phương Mai, Phương Liên (quận Đống Đa). Đến Phương Liên, sông Lừ chia làm hai, một nhánh rẽ sang phía Đông tới Giáp Bát và hòa lưu với sông Sét, một nhánh chảy tiếp về phía Nam qua Định Công và hội lưu với sông Tô Lịch tại phía Bắc gần cầu Đậu, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai. Nhánh hòa lưu với Tô Lịch càng gần đến chỗ hòa lưu thì dòng chảy càng bị thu hẹp lại.

- Sông Sét chảy qua địa phận các phường Giáp Bát, Tương Mai, Tân Mai, Thịnh Liệt rồi chảy vào hồ Yên Sở. Sông Sét dài 5,806 km, là một phân lưu của sông Kim Ngưu, nó tách khỏi Kim Ngưu ở Phương Liệt bắt nguồn từ hồ Bảy Mẫu trong Công viên Thống Nhất (quận Hai Bà Trưng), chảy theo hướng Bắc - Nam và đổ vào hồ Yên Sở (quận Hoàng Mai). Khi đi qua Giáp Bát, nó nhận nước từ một phân lưu của sông Lừ từ Phương Liên chảy sang. Sông Sét suốt nhiều năm bị bồi đắp và bị các công trình xây dựng lấn bờ, nên bề rộng và độ sâu của sông đã giảm đáng kể. Nhiều nơi, sông chỉ rộng khoảng 5 m. Độ sâu trung bình của sông chỉ hơn 1m.

Ngoài ra, Hoàng Mai còn có rất nhiều hồ lớn như hồ điều hòa Yên Sở, hồ Linh Đàm, hồ công viên Đền Lừ, hồ Định Công,... các hồ này có tác dụng lớn trong việc điều hòa vi khí hậu của quận.

- Hồ Yên Sở: là cửa ngõ phía Đông Nam thủ đô, hai mặt giáp đoạn đầu đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ và đường vành đai 3 trên cao. Đây là công viên đô thị, cây xanh lớn nhất Việt Nam. Công viên Yên Sở có tổng diện tích 323 ha trong đó có diện tích khá lớn là hồ nước, cây xanh và một số hạng mục khác. Trong đó, hồ điều hòa Yên Sở gồm 5 hồ lớn nhỏ, có tổng diện tích mặt nước là 132,8 ha, tổng dung tích chứa lên tới 4 triệu m³ nước. Chức năng chính của hồ điều hòa Yên Sở là trữ nước mưa tạm thời nhằm điều tiết lượng nước mưa để tránh cho thành phố Hà Nội rơi vào tình trạng ngập lụt.

- Hồ Linh Đàm: là cửa ngõ Bán đảo Linh Đàm nằm ở phía Nam của Thủ đô, thuộc địa bàn phường Hoàng Liệt (quận Hoàng Mai). Đây là bán đảo được xếp vào hàng đẹp nhất và lớn nhất Hà Nội với diện tích 200 ha, trong đó hệ thống hồ nước rộng trên 70 ha bao quanh khu đô thị kiểu mẫu Linh Đàm.

Hệ thống sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét và sông Kim Ngưu cùng hệ thống hồ đầm lớn như Yên Sở, Linh Đàm, Định Công có chức năng tiêu thoát nước, nhưng do lượng nước thải của quận hầu hết chưa được xử lý nên hiện đang ô nhiễm, không sử dụng được cho mục đích cấp nước sản xuất.

1.1.5. Tài nguyên đất

- Tổng diện tích đất tự nhiên 4.019,20 ha, có 14 đơn vị hành chính cấp phường (tổng diện tích có thay đổi do sử dụng cơ sở dữ liệu đo mới và thay đổi địa giới hành chính theo Quyết định số 513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

+ Vùng trong đô thị chiếm đa số diện tích của Quận, địa hình bị chia cắt bởi các trục giao thông Pháp Vân - Yên Sở, đường 70A và các sông tiêu nước thải của thành phố như sông Kim Ngưu, Sét, Lừ, nên đã hình thành các tiểu vùng nhỏ có nhiều đầm, ruộng trũng. Ngoài ra, Hoàng Mai còn có rất nhiều hồ điều hòa như: Hồ điều hòa Yên Sở, hồ Linh Đàm, hồ Đền Lừ, hồ Định Công, hồ Giáp Bát...

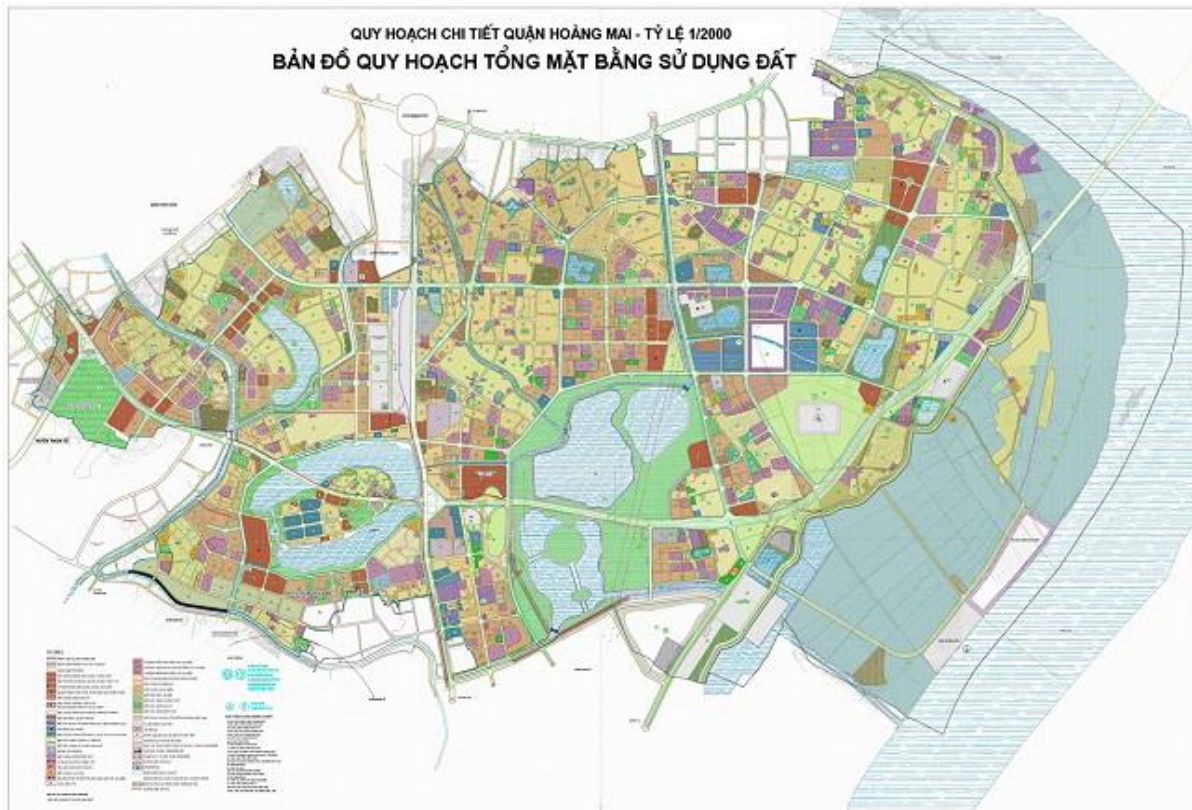
+ Vùng ngoài đô thị bao gồm một phần diện tích đất tại các phường Thanh Trì, Lĩnh Nam, Trần Phú, Yên Sở và một vùng bãi bồi ven sông Hồng với diện tích khoảng 920 ha.

Tổng diện tích tự nhiên của quận Hoàng Mai: 4.019,21 ha. Hiện trạng sử dụng đất tại quận được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.1. Phân bố diện tích các loại đất trên địa bàn quận

| TT | Chỉ tiêu | Diện tích (ha) | |
|----------|--|-----------------|-----------------|
| | | Năm 2021 | Năm 2022 |
| | Tổng diện tích đất tự nhiên | 4.019,21 | 4.019,21 |
| 1 | Đất nông nghiệp | 856,77 | 855,63 |
| 1.1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 580,14 | 580,10 |
| 1.2 | Đất nuôi trồng thủy sản | 264,19 | 263,07 |
| 1.3 | Đất nông nghiệp khác | 12,45 | 12,45 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 3.162,43 | 3.163,58 |
| 2.1 | Đất ở | 1.069,00 | 1.068,98 |
| 2.2 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 7,06 | 7,06 |
| 2.3 | Đất quốc phòng | 34,35 | 34,35 |
| 2.4 | Đất an ninh | 6,37 | 6,37 |
| 2.5 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp | 103,28 | 103,29 |
| 2.6 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: | 298,03 | 297,38 |
| 2.7 | Đất có mục đích công cộng: | 968,37 | 970,84 |
| 2.8 | Đất cơ sở tôn giáo | 10,58 | 10,58 |
| 2.9 | Đất cơ sở tín ngưỡng | 8,14 | 8,15 |
| 2.10 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT | 33,64 | 33,65 |
| 2.11 | Đất sông ngòi, kênh rạch, suối | 283,55 | 283,55 |
| 2.12 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 225,426 | 224,78 |
| 2.13 | Đất phi nông nghiệp khác | 114,61 | 114,61 |

Bảng tổng hợp phân bố đất trong năm 2021 và 2022 cho thấy: Tổng diện tích toàn Quận tính đến 31/12/2022 không thay đổi, chỉ có thay đổi về diện tích đất các thành phần.



Hình 1.4. Bản đồ quy hoạch Quận Hoàng Mai

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.1. Đặc điểm kinh tế

Năm 2022, tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu (theo giá so sánh) đạt trung bình 13,5%/năm. Tổng giá trị sản xuất đạt 26.813 tỷ. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, đúng định hướng đề ra: Tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ đạt 52,65% (tăng 6,25% so năm 2021); Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đạt 47,09% (giảm 5,82% so với năm 2021) và ngành nông nghiệp đạt 0,25% (giảm 0,43% so với năm 2021).

Việc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn có khó khăn nhưng kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ có chuyển biến tốt hơn. Các ngành, lĩnh vực kinh tế đều duy trì tăng trưởng, trong đó ngành công nghiệp – xây dựng đạt 15.128 tỷ đồng, tăng 10,36% so với cùng kỳ; ngành thương mại – dịch vụ đạt 11.499 tỷ, tăng 18,07%; ngành nông nghiệp và thủy sản ước đạt 186 tỷ đồng, tăng 1,64%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, dự kiến đến hết năm 2022, tỷ trọng ngành công

ngành - xây dựng là 52,91%, ngành thương mại - dịch vụ là 46,4% và ngành nông nghiệp - thủy sản là 0,69%.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 757 tỷ đồng, tăng bình quân 0,05%. Tăng cường sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật vùng bãi phục vụ sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền, vận động, khuyến khích các hộ chuyển đổi diện tích không hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị cao hơn được 31,36 ha (đạt 54% kế hoạch năm). Củng cố, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp. Đưa các mặt hàng nông sản (rau an toàn của phường Lĩnh Nam) vào chuỗi bán hàng thực phẩm an toàn của Thành phố. Quận Hoàng Mai tập trung phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất như: Kinh tế hợp tác xã, kinh tế trang trại, tổ hợp tác; xây dựng thương hiệu rau an toàn phường Lĩnh Nam nhằm tăng độ tin cậy cho người tiêu dùng, tăng lượng tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, nâng cao hiệu quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, mở rộng diện tích nhà lưới để sản xuất hiệu quả hơn, giảm thiểu thiệt hại do thời tiết, côn trùng....

- Cơ cấu dịch vụ thương mại: Ngành thương mại, dịch vụ trên địa bàn quận hàng năm duy trì tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất đạt 92.268 tỷ đồng. Công tác đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác chợ, trung tâm thương mại được tăng cường. Đã và đang tập trung chỉ đạo thực hiện các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với 06 dự án chợ và dịch vụ thương mại (Hoàng Liệt, Định Công, Đại Từ, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hưng, Thịnh Liệt); Triển khai thực hiện dự án xây dựng Trung tâm thương mại Aeon Mall (quy mô 6,1 ha). Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ, nhất là kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm, thiết yếu....

- Cơ cấu công nghiệp: Sản xuất công nghiệp phát triển ổn định, sản phẩm tiêu thụ khá tốt. Một số ngành sản xuất chính có mức tăng khá như sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 816 tỷ đồng, tăng 8,3%; thiết bị điện đạt 617 tỷ đồng, tăng 8%; chế biến lương thực, thực phẩm đạt 329 tỷ đồng, tăng 7,2%.

- Cơ cấu xây dựng: quận tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm và thực hiện tốt đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2022 - 2026. Cùng với đó, chủ trương phấn đấu hoàn thành các tuyến đường theo quy hoạch: Đường Vành đai 2,5, đường Lĩnh Nam, đường Tam Trinh, phía Đông khu Trung tâm hành chính quận giai đoạn II&III, đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên, tuyến đường Metro từ Yên Sở đến ga Hà Nội,... Khi những tuyến đường theo quy hoạch hoàn thiện đưa vào vận hành và được kết nối đồng bộ với các tuyến giao thông hiện

hữu, sẽ giúp cho việc tiếp cận khu vực quận Hoàng Mai dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, hàng loạt các dự án khu đô thị, nhà ở, trung tâm thương mại, ... đã, đang và sẽ được các nhà đầu tư uy tín trong, ngoài nước triển khai đầu tư xây dựng hết sức bài bản góp phần hoàn thiện hạ tầng đô thị khu vực phía Nam Hà Nội.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, quận Hoàng Mai cũng gặp không ít thách thức, khó khăn riêng trong quá trình phát triển. Quận đang trong quá trình đô thị hóa mạnh, dân số cơ học tăng nhanh, kết cấu cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công tác quản lý đô thị, đất đai, trật tự xây dựng phức tạp, nhiều dự án lớn liên quan đến giải phóng mặt bằng cần được thực hiện...

- Tài chính: Đẩy mạnh các giải pháp thu ngân sách bền vững, tăng cường đôn đốc thu nợ thuế, tiền thuê đất, thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai. Thực hiện tốt các chính sách thuế đối với sản xuất kinh doanh. Khai thác các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng, các dự án dân sinh, bức thiết.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục bùng phát, diễn biến phức tạp và kéo dài đã tác động tiêu cực đến đời sống xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn quận. Toàn quận đã thực hiện nhiệm vụ kép vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa phòng chống dịch, kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt được năm 2022 của quận như sau:

- Phát triển kinh tế: Tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu của quận tăng 7,85% so với năm 2021, trong đó cụ thể:

+ Công nghiệp: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp ước đạt 17.795 tỷ đồng tăng 4,3% so với năm 2021;

+ Thương mại, dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2022 ước đạt 19,3%, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm tiếp tục được đảm bảo, duy trì quản lý an toàn thực phẩm ngành nông nghiệp.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận ước đạt 2.337 tỷ đồng bằng 96% dự toán Thành phố giao.

1.2.2. Đặc điểm xã hội

a. Dân số

Dân số quận Hoàng Mai năm 2022 là 532.450 người với mật độ 10.309 người/km². Với số dân này thì hiện Hoàng Mai là quận đông dân nhất thành phố Hà Nội, 8% dân số theo đạo Thiên Chúa. Năm 2022, quận Hoàng Mai giữ ổn định quy mô dân số, thực hiện tốt chỉ tiêu giảm sinh và giảm sinh con thứ 3 trở lên hướng tới các

mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, hoàn thành các chỉ tiêu Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) năm 2021. Cụ thể:

- Giảm tỷ suất sinh: 0,02‰ so với năm 2021;
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3+: 0,01% so với năm 2021;
- Duy trì tỷ số giới tính khi sinh: ≤ 107 trẻ trai/100 trẻ gái;
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tuyên truyền tư vấn đạt 100%;
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh 82%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh là 87% tổng số sinh;
- Số trẻ dưới 06 tuổi được sàng lọc khiếm thính trên 7.500 ca;
- Hoàn thành 100% các chỉ tiêu về KHHGĐ và giữ vững tỷ lệ số người áp dụng biện pháp tránh thai (CPR) đạt 76%.

b. Văn hóa - xã hội – giáo dục

- Công tác văn hóa – thông tin – tuyên truyền: Hoạt động thông tin, tuyên truyền trong các dịp lễ tết và các sự kiện chính trị được triển khai trang trọng, tiết kiệm, đặc biệt tuyên truyền kết quả Đại hội đại biểu Đảng toàn Quốc lần thứ XIII, tuyên truyền vận động cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và công tác phòng, chống dịch Covid-19. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tiếp tục được triển khai sâu rộng, được nhân dân tích cực hưởng ứng.

- Công tác giáo dục – đào tạo: Ngành Giáo dục và Đào tạo quận đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 và triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023, nề nếp kỷ cương được giữ vững. Hoàn thành công tác xét tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 với tỷ lệ công nhận tốt nghiệp THCS đạt 99,85%, phối hợp tổ chức tốt kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT trên địa bàn quận. Thành lập mới và đưa vào hoạt động 03 trường đảm bảo đúng tiến độ. Hoàn thành hồ sơ đánh giá ngoài đối với 5 trường công lập và 01 trường ngoài công lập.

- Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường THPT công lập đạt 98,74%, xếp vị trí thứ 2/30 quận, huyện của Thành phố Hà Nội;
- Toàn ngành giáo dục có 211 học sinh đạt giải Quốc tế về văn hóa (tăng 177 giải); 97 học sinh đạt giải Quốc gia (tăng 39 giải) và 139 học sinh đạt giải Thành phố;
- Các phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao đạt được nhiều thành tích nổi bật;
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn đạt 90,5%, tăng 4% so với cùng kỳ năm học trước;

- Quận thực hiện chuẩn bị đầu tư cải tạo, sửa chữa các trường đề nghị công nhận chuẩn quốc gia (THCS Hoàng Văn Thụ, Mầm non Lĩnh Nam, Mầm non Định Công) và duy trì chuẩn quốc gia trường Mầm non Giáp Bát;
- Quận cũng đã triển khai thực hiện chương trình sửa học đường cho học sinh các cấp tiểu học, mầm non đạt tỷ lệ 85% tổng số học sinh các trường công lập tham gia.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Quận thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội,... Các giải pháp giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, toàn Quận đã thực hiện giảm 25 hộ nghèo đạt 125% kế hoạch đề ra (20 hộ). Chi trả kịp thời kinh phí hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 với số tiền 46,17 tỷ đồng, huy động quyên góp ủng hộ được 15,05 tỷ đồng vào quỹ phòng chống dịch và Quỹ vắc xin phòng dịch Covid – 19, 102 tấn gạo và nhiều nhu yếu phẩm khác.

- Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh Covid-19: UBND Quận chủ động ứng phó kịp thời với diễn biến phức tạp của dịch bệnh. Chỉ đạo thành lập 15 Sở Chỉ huy công tác phòng chống dịch; thiết lập 58 chốt kiểm soát, 112 vùng cách ly y tế tại 14 phường. Công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 được thực hiện an toàn (*tỷ lệ người trên 18 tuổi tiêm mũi 1 đạt 99,83%*). Phối hợp triển khai vận hành Khu cách ly tập trung cho người F1 và khu thu dung điều trị F0 đảm bảo hiệu quả phòng chống dịch, không xảy ra lây nhiễm chéo trong khu cách ly. Các chỉ tiêu lĩnh vực y tế thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Công tác quản lý đô thị, xây dựng:

+ *Công tác quản lý quy hoạch*: Tham gia ý kiến cấp giấy phép quy hoạch đối với 08 dự án ngoài ngân sách. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư 04 phường (Thanh Trì, Trần Phú, Lĩnh Nam, Yên Sở), góp ý bổ sung vào Đồ án Quy hoạch phân khu sông Hồng tỷ lệ 1/5000.

+ *Quản lý trật tự và văn minh đô thị*: Trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông được duy trì, chỉnh trang, sắp xếp các tuyến phố, xử lý các vi phạm về trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông được thực hiện nghiêm túc. Chỉ đạo xử lý vi phạm, trật tự xây dựng, sử dụng đất sai mục đích tại khu chuyển đổi Bằng B, phường Hoàng Liệt với diện tích 11 ha đất, 174 công trình xây dựng trên đất. Cấp mới và gia hạn đối với 12 điểm trông giữ phương tiện tạm thời trên vỉa hè.

+ *Duy tu hạ tầng kỹ thuật*: Chỉ đạo các đơn vị đảm bảo duy tu, duy trì vệ sinh môi trường, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, chiếu sáng, thoát nước, thu gom vận chuyển rác thải trong ngày. Thường xuyên duy trì cắt tỉa, trồng bổ sung hệ thống cây xanh. Tăng cường kiểm tra quản lý, sử dụng nhà chung cư.

+ *Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị* được tập trung chỉ đạo quyết liệt.

Quận đã cấp 1.333 giấy phép xây dựng với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 266.600 m², đảm bảo quy chuẩn, quy hoạch được duyệt, 100% số công trình xây dựng được kiểm tra, giám sát, tỷ lệ công trình xây dựng được cấp phép đạt 100%.

- Công tác quản lý đất đai, môi trường, phòng chống thiên tai: Quận đã cấp 227 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 03 Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, 04 Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý, xử lý các vi phạm về đất đai đối với đất nông nghiệp. Triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường. Chuẩn bị các phương án chủ động đối phó với các rủi ro thiên tai xảy ra.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Tổ chức tuyên truyền vận động thành công 19 hộ dân phường Thịnh Liệt và 13 hộ dân phường Định Công thực hiện dự án xây dựng đường 2,5 đoạn từ Đàm Hồng đến Quốc lộ 1 bàn giao mặt bằng (*không phải cưỡng chế thu hồi đất*); tập trung GPMB tuyến đường vào Bệnh viện dã chiến phòng, chống dịch COVID-19. Tiếp tục tập trung công tác GPMB các dự án trọng điểm: Đường Lĩnh Nam, Đường 2,5,...

- Công tác an ninh – quốc phòng: Công tác quân sự địa phương được thực hiện tốt, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn tuyệt đối các hoạt động chính trị trên địa bàn. Hiệp đồng công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 đạt hiệu quả cao. Công tác đảm bảo an ninh chính trị được tăng cường, nắm chắc tình hình về người nước ngoài, các hoạt động tôn giáo, tập trung tuyên truyền giải quyết các phức tạp trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án. Các kế hoạch phòng ngừa, trấn áp tội phạm được triển khai hiệu quả, tỷ lệ điều tra khám phá đạt cao, triệt phá nhiều ổ nhóm tội phạm đạt và vượt nhiều chỉ tiêu trong năm 2021.

c. Cơ sở hạ tầng

- Quận Hoàng Mai đang trong quá trình đô thị hóa mạnh, dân số tăng nhanh, gây áp lực rất lớn lên hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông. Mật độ nhà chung cư dày đặc, tốc độ gia tăng dân số cơ học lớn đã khiến hạ tầng cơ sở hạ tầng của phường phải chịu áp lực lớn như việc thiếu trường học và bãi đỗ xe, giao thông luôn ùn tắc, vi phạm trật tự đô thị tràn lan... Số lượng phương tiện giao thông gia tăng đột biến cùng với việc nhiều dự án chung cư đưa vào sử dụng đã khiến các tuyến đường phố chính và một số tuyến đường nội bộ các khu đô thị, khu dân cư thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc, gây áp lực lên hệ thống hạ tầng đô thị. Cùng với đó, thời gian qua mạng lưới giao thông chưa phát triển đồng bộ, diện tích đất dành cho giao thông tỉnh không đảm bảo đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Cùng với áp lực giao thông, dân số tăng nhanh cũng là gánh nặng cho các cơ sở giáo dục. Mỗi năm số học sinh tại quận Hoàng Mai tăng từ 4.000 – 5.000 cháu, gần bằng số học sinh của một trường trên địa bàn thành phố nên nhiều trường có sĩ số vượt

quy định lên đến 60 học sinh/lớp. Số lượng học sinh vẫn đang là một gánh nặng cho trường khi sĩ số lớp học đông, phòng học không thể mở rộng do diện tích đất có hạn nên trường vẫn thiếu nhiều phòng học chức năng.

- Đặc biệt, khâu đột phá về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giải phóng mặt bằng được quận quan tâm đầu tư, chỉ đạo quyết liệt và đạt hiệu quả cao là một dấu ấn không nhỏ trong nhiệm kỳ vừa qua. 5 năm qua, trên địa bàn quận đã và đang triển khai giải phóng mặt bằng 117 dự án. Quận đã dành mức đầu tư ngân sách lớn cho xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều công trình phục vụ dân sinh như Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận, các trường học đạt chuẩn quốc gia, dự án tuyến đường phía Đông. Đồng thời một số dự án có nguồn vốn ngoài ngân sách được hoàn thành đưa vào sử dụng (Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở, Công viên Yên Sở, Khu đô thị Gamuda land; Khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ; Khu đô thị Tây Nam hồ Linh Đàm, Khu đô thị Park Hill).

- Bên cạnh đó, quận tập trung nâng cao trách nhiệm quản lý Nhà nước trong quản lý quy hoạch, quản lý đất đai và trật tự xây dựng. Tiếp tục xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm và thực hiện tốt đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2021 - 2026, chú trọng xây dựng nhà tái định cư có chất lượng tốt phục vụ giải phóng mặt bằng.

Quận Hoàng Mai đặt ra các chỉ tiêu chính đến năm 2025:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu hàng năm đạt 13 - 14%.
- Cơ cấu giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ chiếm khoảng 58,05%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân cả nhiệm kỳ từ 5 - 10% trở lên. 100% các công trình đủ điều kiện phải được cấp phép xây dựng.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố cuối nhiệm kỳ dưới 0,5%.
- Hàng năm kết nạp từ 180 - 200 đảng viên. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt trên 75%.

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường

2.1.1. Hiện trạng môi trường đất

Để đánh giá chất lượng môi trường đất, Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường tiến hành lấy mẫu đất tại khu vực đất canh tác nông nghiệp để phân tích hàm lượng kim loại nặng, địa điểm và vị trí lấy mẫu được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2.2. Vị trí lấy mẫu đất

| Ký hiệu | Vị trí | Toạ độ | |
|---------|--|---------|---------|
| | | X | Y |
| MĐ1 | Mẫu đất tại khu đất trồng rau, tổ 4 phường Hoàng Liet | 2318409 | 0585891 |
| MĐ2 | Mẫu đất tại khu đất trồng tại tổ 5 phường Hoàng Liet | 2318514 | 0586036 |
| MĐ3 | Mẫu đất tại đất bãi gần bến đò sông Hồng, phường Lĩnh Nam | 2321221 | 0594570 |
| MĐ4 | Mẫu đất tại khu bãi già, tổ 30, phường Lĩnh Nam | 2319887 | 0593553 |
| MĐ5 | Mẫu đất tại vườn ổi gần trường bán Yên Sở, P.Yên Sở | 2328062 | 0591097 |
| MĐ6 | Mẫu đất tại vườn chuối gần ao Ấp, P.Yên Sở | 2318563 | 0591582 |
| MĐ7 | Mẫu đất tại bãi đất trồng rau cạnh nhà thờ Yên Lương, P.Trần Phú | 2320210 | 0592115 |
| MĐ8 | Mẫu đất tại khu đất trồng rau – tổ 20 – Thôn Yên Lương, P.Trần Phú | 2320236 | 0592272 |

Bảng 2.3. Kết quả phân tích mẫu đất

| TT | Thông số | Kết quả | | | | | | | | QCVN 03-MT :2015/BTNMT |
|----|----------|---------|------|------|------|------|------|------|------|------------------------|
| | | MĐ1 | MĐ2 | MĐ3 | MĐ4 | MĐ5 | MĐ6 | MĐ7 | MĐ8 | |
| 1 | As | 3,27 | 3,84 | 4,17 | 4,64 | 3,17 | 3,24 | 4,24 | 3,98 | 15 |
| 2 | Cd | 0,6 | 0,11 | 0,71 | 0,82 | 0,4 | 0,3 | 0,37 | 0,45 | 1,5 |
| 3 | Pb | 6,54 | 5,98 | 34,6 | 10,3 | 4,2 | 13,1 | 14,3 | 15,1 | 70 |
| 4 | Cu | 38,2 | 31,2 | 39,5 | 31,8 | 27,1 | 28,3 | 26,1 | 29,3 | 100 |
| 5 | Zn | 92,3 | 96,7 | 72,7 | 71,5 | 56,3 | 53,9 | 38,2 | 40,6 | 200 |

Ghi chú: QCVN 03-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất (Đất nông nghiệp).

Kết quả phân tích hàm lượng kim loại trong đất tại trên cho thấy các thông số đều thấp hơn so với quy chuẩn cho phép.

- *Chỉ tiêu Asen:* hàm lượng Asen năm 2022 tại các vị trí có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 03-MT:2015/BTNMT đối với Asen là 15 mg/kg.

- *Chỉ tiêu Cadimi:* hàm lượng Cadimi trong đất tại các mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT là 1,5 mg/kg đối với đất nông nghiệp.

- *Chỉ tiêu Chì*: hàm lượng Chì giao động khá lớn từ 4,2 – 22,5 mg/kg nhưng đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất với loại đất nông nghiệp) là 70mg/kg, hàm lượng chì thấp nhất là 4,2 mg/kg thuộc phường Yên Sở.

- *Chỉ tiêu Đồng*: Hàm lượng đồng trong đất nông nghiệp tại 4 phường dao động từ 26,1 – 39,5 mg/kg nằm trong quy chuẩn cho phép (QCVN 03-MT:2015/BTNMT là 100 mg/kg). Có thể kết luận hàm lượng Đồng trong đất tại các phường Hoàng Liet, Yên Sở, Trần Phú, Lĩnh Nam đều nằm trong giới hạn (100 mg/kg) quy chuẩn QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

- *Chỉ tiêu Kẽm*: hàm lượng kẽm tại 4 phường Hoàng Liet, Yên Sở, Trần Phú, Lĩnh Nam trong 3 năm dao động lớn từ 38,2 - 116 mg/kg, nằm trong giới hạn cho phép (QCVN 03-MT:2015/BTNMT là 200 mg/kg), hàm lượng kẽm thấp nhất 38,2 mg/kg thuộc phường Lĩnh Nam.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích hàm lượng kim loại nặng trong đất nông nghiệp tại 4 phường Hoàng Liet, Yên Sở, Trần Phú, Lĩnh Nam đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân.

2.1.2. Hiện trạng môi trường nước mặt

Trên địa bàn Quận có các sông chảy qua gồm: sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét và sông Kim Ngưu, cùng hệ thống hồ điều hòa như hồ Yên Sở có chức năng tiêu thoát nước, tuy nhiên do lượng nước thải của thành phố vẫn chưa được xử lý hiệu quả dẫn đến ô nhiễm.

Để đánh giá chất lượng nước mặt trên địa bàn quận Hoàng Mai năm 2022, Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường lấy mẫu phân tích đại diện tại 40 vị trí trên các sông, hồ nước mặt tại 14 phường trên địa bàn quận. Kết quả phân tích các mẫu nước trên địa bàn quận Hoàng Mai được trình bày tại bảng sau:

Bảng 2.4. Vị trí lấy mẫu nước mặt tại khu vực Quận Hoàng Mai

| Phường | Kí hiệu | Vị trí lấy mẫu | Tọa độ | |
|------------|---------|--|---------|---------|
| | | | X | Y |
| Hoàng Liet | NM1 | Hồ Linh Đàm đối diện Chùa Linh Đường | 2319212 | 0587128 |
| | NM2 | Hồ Linh Đàm gần trường tiểu học Hoàng Liet | 2319635 | 0587419 |
| Thịnh Liet | NM3 | Hồ Yên Sở mẫu 1 | 2319330 | 0589041 |
| | NM4 | Hồ Yên Sở mẫu 2 | 2319346 | 0588867 |
| Giáp Bát | NM5 | Hồ Kim Đồng đối diện UBND Phường Giáp Bát | 2321289 | 0587376 |
| | NM6 | Hồ Kim Đồng cạnh bia tưởng niệm AHLS phường Giáp Bát | 2321196 | 0587395 |
| Hoàng | NM7 | Hồ Đền Lừ 1 đối diện khu nhà vườn | 2321611 | 0588865 |

| | | | | |
|-----------|------|--|---------|---------|
| Văn Thụ | NM8 | Hồ Đền Lừ 2 cạnh mặt đường Tân Mai | 2321392 | 0588645 |
| Mai Động | NM9 | Sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động | 2322234 | 0589519 |
| | NM10 | Sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động | 2322019 | 0589541 |
| Tân Mai | NM11 | Sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét | 2321450 | 0587689 |
| | NM12 | Sông Sét tại chân cầu | 2321213 | 0587760 |
| Lĩnh Nam | NM13 | Hồ đối diện nhà 44, ngõ 419 tổ 13 | 2321405 | 0592317 |
| | NM14 | Hồ 419 giáp nương liên phường | 2321538 | 0591420 |
| | NM15 | Sông Hồng | 2319887 | 0593578 |
| Thanh Trì | NM16 | Hồ Toàn Lan gần chung cư Công An quận Hoàng Mai | 2322381 | 0591959 |
| | NM17 | Hồ Toàn Lan đối diện chung cư Công An quận Hoàng Mai | 2322419 | 0591963 |
| | NM18 | Đầm Âu tại vị trí đối diện ngõ 39/924 Nguyễn Khoái | 2323036 | 0591863 |
| | NM19 | Đầm Âu tại vị trí trước số nhà 40 ngõ 894/10 Nguyễn Khoái | 2323080 | 0591863 |
| | NM20 | Sông Hồng tại vị trí phía ngõ 495 Nguyễn Khoái | 2323272 | 0591996 |
| Yên Sở | NM21 | Ao cá Bắc Hồ, đối diện cổng TDP số 4, ngõ 195 | 2319793 | 0590382 |
| | NM22 | Ao cá Bắc Hồ, đối diện đội quản lý điện 3 | 2319714 | 0590315 |
| Vĩnh Hưng | NM23 | Hồ sinh thái KĐT Vĩnh Hưng mẫu 1 | 2322510 | 0590996 |
| | NM24 | Hồ sinh thái KĐT Vĩnh Hưng mẫu 2, cạnh chân cầu | 2322570 | 0590851 |
| Định Công | NM25 | Hồ Định Công tại vị trí đối diện số nhà 124/337 Tổ 20 Định Công | 2320276 | 586351 |
| | NM26 | Hồ Định Công cạnh đường Trịnh Đình Cửu | 2320276 | 0585994 |
| | NM27 | Hồ Đầm Sòi tại số 52, ngõ 36A, Trần Điền, cạnh mầm non Hương Giang | 2322322 | 0586173 |
| | NM28 | Hồ Đầm Sòi đối diện quán bia Lộc Vùng | 2322163 | 0586121 |
| | NM29 | Ao Hoàng Giáp tại gác 1, ngõ 99, Định Công Hạ | 2321129 | 0585955 |
| | NM30 | Ao Hoàng Giáp ngõ 99 Định Công Hạ | 2321130 | 0585818 |
| Đại Kim | NM31 | Sông Lừ đối diện CT1 | 2320100 | 0585665 |
| | NM32 | Sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng | 2320213 | 0585930 |
| | NM33 | Sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim | 2320839 | 0585265 |
| | NM34 | Sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang | 2320901 | 0585113 |
| Trần Phú | NM35 | Hồ vũng bình giữa 1 | 2319870 | 0591730 |
| | NM36 | Hồ vũng bình trên 1 | 2319847 | 0591730 |
| | NM37 | Hồ vũng bình trên 2 | 2319774 | 0591208 |

| | | | | |
|--|------|---------------------|---------|---------|
| | NM38 | Hồ vung bình giữa 2 | 2319568 | 0591920 |
| | NM39 | Hồ vũng bình dưới 1 | 2319346 | 0591058 |
| | NM40 | Hồ vũng bình dưới 2 | 2319338 | 0591513 |

Bảng 2.5. Kết quả quan trắc và phân tích các mẫu nước mặt tại các khu quận Hoàng Mai

| Chỉ tiêu | NM1 | NM2 | NM3 | NM4 | NM5 | NM6 | NM7 | NM8 | NM9 | NM10 | NM11 | NM12 | NM13 | NM14 | QCVN 08- MT:2015/BTNMT |
|-----------------------|--------------------|--------------------|-------|-------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|-------------------|---------------------------|
| pH | 7,1 | 6,9 | 7,1 | 6,9 | 7,4 | 7,2 | 7,1 | 7,3 | 7,0 | 7,2 | 7,1 | 6,9 | 6,8 | 7,1 | 5,5-9 |
| BOD ₅ | 24 | 36 | 37 | 39 | 47 | 56 | 39 | 31 | 89 | 92 | 112 | 94 | 39 | 35 | 15 |
| COD | 71 | 69 | 76 | 72 | 97 | 102 | 72 | 64 | 172 | 167 | 154 | 162 | 42 | 48 | 30 |
| Clorua | 31,5 | 38,7 | 74 | 71 | 21,6 | 19,7 | 54,6 | 49,3 | 72,4 | 73,5 | 47,4 | 52,1 | 26,1 | 24,5 | 350 |
| Tổng chất rắn lơ lửng | 59 | 52 | 62,7 | 63,1 | 64 | 71 | 78 | 84 | 114 | 103 | 137 | 154 | 46 | 49 | 50 |
| Amoni | 0,28 | 0,31 | 0,34 | 0,31 | 0,3 | 0,29 | 1,27 | 1,14 | 14,3 | 13,7 | 14,2 | 16,8 | 0,34 | 0,37 | 0,9 |
| Sắt | 0,08 | 0,06 | <0,03 | <0,03 | <0,03 | 0,05 | <0,03 | <0,03 | 0,87 | 1,02 | 0,98 | 0,72 | <0,03 | <0,03 | 1,5 |
| Phosphat | 0,04 | <0,03 | 1,5 | 1,21 | 0,06 | 0,09 | 0,15 | 0,20 | 2,87 | 1,64 | 0,93 | 0,86 | 0,11 | 0,07 | 0,3 |
| Nitrat | 0,12 | 0,16 | 0,16 | 0,20 | 0,12 | 0,11 | 3,16 | 3,67 | 0,61 | 0,43 | 0,46 | 0,45 | 0,31 | 0,12 | 10 |
| Nitrit | 0,09 | 0,06 | <0,02 | <0,02 | 0,06 | 0,08 | 0,87 | 1,16 | 0,03 | 0,04 | 0,03 | 0,03 | 0,04 | 0,04 | 0,05 |
| DO | 7,1 | 6,5 | 4,2 | 4,8 | 5,1 | 5,9 | 4,98 | 5,02 | 5,2 | 5,8 | 3,67 | 3,95 | 6,13 | 6,57 | ≥4 |
| Chất hoạt động bề mặt | 0,31 | 0,34 | 0,31 | 0,29 | 0,15 | 0,17 | 0,29 | 0,33 | 1,84 | 2,14 | 4,03 | 4,21 | 0,37 | 0,31 | 0,4 |
| Tổng dầu mỡ | 0,39 | 0,27 | 0,57 | 0,64 | 0,6 | <0,3 | 0,37 | 0,54 | 1,74 | 1,71 | 1,54 | 1,87 | 0,6 | 0,5 | 1 |
| E.coli | <3 | <3 | 37 | 96 | 64 | 129 | 116 | 142 | 41x10 ³ | 32x10 ³ | 56x10 ³ | 47x10 ³ | 7 | 9 | 100 |
| Coliforms | 29x10 ³ | 36x10 ³ | 5200 | 6900 | 9x10 ⁴ | 24x10 ⁴ | 37x10 ³ | 58x10 ³ | 46x10 ⁵ | 34x10 ⁵ | 35x10 ⁵ | 21x10 ⁶ | 3x10 ³ | 9x10 ³ | 7500 |

| Chỉ tiêu | NM15 | NM16 | NM17 | NM18 | NM19 | NM20 | NM21 | NM22 | NM23 | NM24 | NM25 | NM26 | NM27 | NM28 | QCVN 08- MT:2015/BTNMT |
|--------------------------|------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------|--------------------|--------------------|-------|-------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| pH | 6,5 | 7,2 | 7,4 | 6,9 | 7,1 | 6,8 | 6,9 | 6,5 | 6,9 | 7,0 | 7,0 | 7,2 | 6,9 | 6,6 | 5,5-9 |
| BOD ₅ | 14 | 26 | 21 | 29 | 27 | 11 | 71 | 74 | 19 | 17 | 28 | 30 | 24 | 21 | 15 |
| COD | 23 | 42 | 39 | 41 | 36 | 24 | 67 | 60 | 46 | 52 | 35 | 39 | 52 | 48 | 30 |
| Clorua | 16 | 45,6 | 43,4 | 32,4 | 35,4 | 11,6 | 32,7 | 29,6 | 47,1 | 39,3 | 36,2 | 29,7 | 28,7 | 29,2 | 350 |
| Tổng chất rắn lơ lửng | 34 | 62 | 58 | 56 | 51 | 39 | 112 | 104 | 38 | 40 | 31 | 34 | 49 | 45 | 50 |
| Amoni | 0,14 | 0,71 | 0,67 | 1,12 | 1,23 | 0,54 | 0,56 | 0,7 | 0,14 | 0,28 | 0,11 | 0,25 | 0,27 | 0,17 | 0,9 |
| Sắt | 0,09 | 0,09 | 0,12 | 0,67 | 0,89 | 0,35 | <0,03 | <0,02 | 0,04 | 0,05 | 0,09 | 0,1 | 0,1 | 0,09 | 1,5 |
| Phosphat | 0,12 | 0,12 | 0,22 | 0,17 | 0,26 | 0,12 | 0,14 | 0,17 | 0,04 | <0,03 | 0,05 | 0,04 | 0,04 | 0,06 | 0,3 |
| Nitrat | 1,26 | 0,14 | 0,21 | <0,03 | <0,03 | 1,01 | 1,02 | 0,89 | 0,17 | 0,22 | 0,3 | 0,28 | 0,07 | 0,05 | 10 |
| Nitrit | 0,03 | <0,03 | <0,03 | <0,03 | <0,02 | 0,03 | <0,02 | <0,02 | <0,03 | 0,05 | 0,18 | 0,13 | 0,11 | 0,08 | 0,05 |
| DO | 4,9 | 4,8 | 5,3 | 5,12 | 4,91 | 5,34 | 4,7 | 5,2 | 4,8 | 5,1 | 5,1 | 5,7 | 4,81 | 4,52 | ≥4 |
| Chất hoạt động bề mặt | 0,31 | 0,31 | 0,24 | 0,37 | 0,31 | 0,24 | 0,36 | 0,33 | 0,16 | 0,22 | 0,09 | 0,11 | 0,26 | 0,15 | 0,4 |
| Tổng dầu mỡ | 0,42 | 0,32 | 0,29 | <0,2 | <0,3 | 0,6 | 0,19 | 0,22 | 0,8 | 0,11 | <0,3 | <0,3 | 0,36 | 0,28 | 1 |
| E.coli | 11 | 960 | 210 | 810 | 850 | 9 | 164 | 127 | 22 | 18 | 12 | 9 | 28 | 34 | 100 |
| Coliforms | 2200 | 51x10 ³ | 35x10 ³ | 19x10 ⁴ | 21x10 ⁵ | 3400 | 32x10 ³ | 46x10 ³ | 5800 | 6900 | 11x10 ³ | 17x10 ³ | 31x10 ³ | 40x10 ³ | 7500 |

| Chỉ tiêu | NM29 | NM30 | NM31 | NM32 | NM33 | NM34 | NM35 | NM36 | NM37 | NM38 | NM39 | NM40 | QCVN 08-MT:2015/BTNMT |
|-----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|--------------------|-------|-------|------|------|------|------|-----------------------|
| pH | 6,6 | 6,8 | 6,8 | 7,0 | 7,4 | 7,6 | 7,0 | 6,9 | 7,1 | 6,9 | 6,9 | 7,1 | 5,5-9 |
| BOD ₅ | 17 | 24 | 78 | 73 | 57 | 69 | 31 | 24 | 28 | 30 | 23 | 21 | 15 |
| COD | 39 | 42 | 154 | 132 | 103 | 97 | 37 | 40 | 36 | 40 | 36 | 32 | 30 |
| Clorua | 25,7 | 26,5 | 61,2 | 63,6 | 61,2 | 67,9 | 14,41 | 12,67 | 29,2 | 31,5 | 25,6 | 31,7 | 350 |
| Tổng chất rắn lơ lửng | 39 | 41 | 124 | 118 | 74 | 96 | 47 | 42 | 59 | 56 | 40,2 | 40,4 | 50 |
| Amoni | 0,47 | 0,54 | 11,2 | 13,7 | 28,1 | 29,3 | 0,19 | 0,22 | 0,58 | 0,61 | 0,25 | 0,16 | 0,9 |
| Sắt | 0,09 | 0,11 | 0,87 | 0,72 | 0,35 | 0,42 | 0,12 | 0,08 | 0,11 | 0,09 | 0,07 | 0,05 | 1,5 |
| Phosphat | 0,15 | 0,21 | 1,02 | 1,14 | 2,06 | 1,94 | 0,08 | 0,11 | 0,11 | 0,08 | 0,1 | 0,08 | 0,3 |
| Nitrat | 0,14 | 0,18 | 0,1 | 0,09 | 0,04 | 0,03 | 0,27 | 0,3 | 0,24 | 0,31 | 0,07 | 0,09 | 10 |
| Nitrit | 0,06 | 0,08 | 0,07 | 0,08 | 0,04 | 0,03 | 0,03 | 0,04 | 0,04 | 0,03 | 0,03 | 0,04 | 0,05 |
| DO | 4,57 | 4,84 | 3,64 | 4,11 | 5,12 | 4,99 | 5,1 | 5,7 | 4,9 | 5,12 | 5,12 | 5,31 | ≥4 |
| Chất hoạt động bề mặt | 0,18 | 0,22 | 3,12 | 3,67 | 3,64 | 3,72 | 0,3 | 0,2 | 0,26 | 0,17 | 0,23 | 0,27 | 0,4 |
| Tổng dầu mỡ | 0,6 | 0,8 | 4,03 | 4,09 | 4,57 | 5,11 | <0,3 | <0,3 | <0,2 | <0,2 | <0,3 | <0,3 | 1 |
| E.coli | 7 | 11 | 58x10 ³ | 65x10 ⁴ | 3x10 ³ | 6x10 ³ | 94 | 56 | 34 | 26 | 26 | 45 | 100 |
| Coliforms | 17x10 ³ | 22x10 ³ | 13x10 ⁵ | 10x10 ⁵ | 9x10 ⁶ | 24x10 ⁶ | 7900 | 6200 | 4200 | 4100 | 7600 | 3800 | 7500 |

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.

Từ kết quả phân tích chất lượng nước sông, hồ ao trên địa bàn Quận năm 2022 cho thấy:

- *pH*: nước mặt tại các sông, hồ trên địa bàn quận Hoàng Mai có trị số pH dao động từ 6,5 – 7,6 đều nằm trong khoảng cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1) (từ 5,5 - 9) về chất lượng nước mặt. Trong đó điểm nồng độ pH cao nhất là mẫu nước tại sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang – P. Đại Kim (pH = 7,6). pH dao động là do phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn nước thải sinh hoạt bổ sung và ngoài ra còn bị chi phối bởi nguồn nước thải sản xuất. Đây cũng là yếu tố quyết định đến pH của nước mặt nội đô TP. Hà Nội. Ở khoảng pH này các vi sinh vật có điều kiện sinh trưởng và phát triển tốt.

- *BOD₅*: hàm lượng BOD₅ tại các điểm đa số (38/40 mẫu) đều vượt quy chuẩn cho phép, cao nhất là NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động – P. Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động – P. Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét – P. Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu – P. Tân Mai), NM21 (ao cá Bác Hồ, đối diện cổng TDP số 4, ngõ 195 – P. Yên Sở), NM22 (Ao cá Bác Hồ, đối diện đội quản lý điện 3 – P. Yên Sở), NM31 (Sông Lừ đối diện CT1 – P. Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng – P. Đại Kim), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim – P. Đại Kim), NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang – P. Đại Kim) đa số cao gấp 3,8 - 7,5 lần quy chuẩn cho phép.

- *COD*: Hàm lượng COD tại các ao hồ ở quận Hoàng Mai có 38 điểm vượt quy chuẩn, cao nhất tại điểm NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi - P. Mai Động) với hàm lượng là 172 mg/l vượt 5,73 lần quy chuẩn, NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động - P. Mai Động) với hàm lượng 167 mg/l vượt 5,57 lần so với quy chuẩn, NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét - P. Tân Mai) với hàm lượng 154 mg/l vượt 5,13 lần quy chuẩn, NM12 (sông Sét tại chân cầu - P. Tân Mai) với hàm lượng là 162 mg/l vượt 5,4 lần quy chuẩn. Nhưng cũng có những điểm có hàm lượng thấp tiêu biểu như mẫu NM15 (sông Hồng - P. Lĩnh Nam) với hàm lượng 23 mg/l. Như vậy tình trạng ô nhiễm chất hữu cơ trong nước mặt tại các ao, hồ trên địa bàn quận Hoàng Mai rất cao.

- *Clorua*: tất cả các mẫu được lấy tại các ao, hồ, sông tại khu vực quận Hoàng Mai đều nhỏ hơn quy chuẩn rất nhiều.

- *Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*: có 25 mẫu có hàm lượng TSS vượt quy chuẩn, trong đó cao nhất là mẫu NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động - P. Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động - P. Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét- P. Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu- P. Tân Mai), NM21 (ao cá Bác Hồ, đối diện cổng TDP số 4, ngõ 195 - P. Yên Sở), NM22 (ao cá Bác Hồ, đối diện

đội quản lý điện 3 - P.Yên Sở), NM31 (sông Lừ đối diện CT1 - P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng - P.Đại Kim), NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang - P.Đại Kim) có hàm lượng cao gấp 1,92 - 3,08 lần quy chuẩn.

- *Amoni (NH_4^+)*: có 12 mẫu có hàm lượng Amoni vượt quy chuẩn, một số mẫu có hàm lượng Amoni cao như NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi, P.Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt, P.Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét, P.Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu, p.Tân Mai), và NM31 (sông Lừ đối diện CT1, P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng, P.Đại Kim), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim, P.Đại Kim) và NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang, P.Đại Kim) đều vượt quá từ 1,24 – 32,5 lần so với quy chuẩn. Từ đó ta thấy các ao hồ của địa bàn quận Hoàng Mai bị ô nhiễm Amoni.

- *Sắt (Fe)*: hàm lượng sắt trong nước mặt tại địa bàn quận Hoàng Mai năm 2021 dao động từ 0,1 đến 1,02 mg/l, thấp hơn nhiều lần so với giới hạn cho phép của QCVN.

- *Phosphat*: hàm lượng Phosphat tại đa số mẫu đều nằm dưới quy chuẩn cho phép, có 10 mẫu cao hơn quy chuẩn, trong đó NM3 (hồ Yên Sở mẫu 1, P.Thịnh Liệt), NM4 (hồ Yên Sở mẫu 2, P.Thịnh Liệt), NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi, P.Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt, P.Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét, P. Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu, P.Tân Mai), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim, P.Đại Kim), NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang, P.Đại Kim), NM31 (sông Lừ đối diện CT1, P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng, P.Đại Kim, cao hơn 2,87 - 9,57 lần quy chuẩn.

- *Nitrat (NO_3^-)*: hàm lượng Nitrat trong nước mặt đều rất thấp so với quy chuẩn cho phép, không có điểm nào vượt quy chuẩn.

- *Nitrit (NO_2^-)*: hàm lượng Nitrit cao nhất tại điểm NM7 (hồ Đền Lừ 1, P.Hoàng Văn Thụ) với hàm lượng 0,87 mg/l, NM8 (hồ Đền Lừ 2, P.Hoàng Văn Thụ) với hàm lượng 1,16 mg/l, cao hơn từ 17,4 – 23,2 lần so với quy chuẩn. Do đó, ta thấy chất lượng nước tại các sông, hồ của quận Hoàng Mai vẫn có nguy cơ bị ô nhiễm Nitrit.

- *DO*: một số mẫu có nồng độ DO thấp hơn quy chuẩn như: NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét, P.Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu, P.Tân Mai), NM31 (sông Lừ đối diện CT1, P.Đại Kim), có thể thấy hàm lượng DO vẫn chưa được cải thiện.

- *Chất hoạt động bề mặt*: có 8 mẫu vượt quy chuẩn ở mức cao, tại các mẫu NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động, P.Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động, P.Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét, P.Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu, Tân Mai), NM31 (sông Lừ đối diện CT1, P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng, P.Đại Kim), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim, P.Đại Kim), NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang, P.Đại Kim) đều cao gấp 4,6 - 10,52 lần quy chuẩn cho phép.

- *Tổng dầu mỡ*: có 8 mẫu vượt quy chuẩn, đó là các điểm NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động, P.Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động, P.Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét, P.Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu, Tân Mai), NM31 (sông Lừ đối diện CT1, P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng, P.Đại Kim), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim, P.Đại Kim) và NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang, P.Đại Kim), trong đó NM33, NM34 có hàm lượng vượt chuẩn cao nhất, cao hơn 4,57 - 5,11 lần quy chuẩn. Vì vậy chất lượng nước mặt trên khu vực quận Hoàng Mai đang có nguy cơ bị ô nhiễm bởi tổng dầu mỡ.

- *E. Coli, Coliforms*: hàm lượng vi khuẩn E.coli trong nước mặt tại quận Hoàng Mai có 8 điểm vượt chuẩn như NM9 (sông Kim Ngưu tại chân cầu voi Mai Động - P. Mai Động), NM10 (sông Kim Ngưu tại chân cầu sắt Mai Động - P.Mai Động), NM11 (sông Sét đối diện số nhà 14 đường bờ sông Sét - P. Tân Mai), NM12 (sông Sét tại chân cầu - P.Tân Mai), NM31 (sông Lừ đối diện CT1 - P.Đại Kim), NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng - P.Đại Kim), NM33 (sông Tô Lịch đối diện THCS Đại Kim - P.Đại Kim), NM34 (sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang - P.Đại Kim), trong đó điểm vượt cao nhất là NM32 (sông Lừ gần SN 9B – Đặng Xuân Bảng - P.Đại Kim). Hàm lượng vi khuẩn Coliform trong nước mặt tại quận Hoàng Mai đa số đều thấp, tuy nhiên vẫn có 9 điểm vượt quy chuẩn, trong đó cao nhất tại điểm NM34 (Sông Tô Lịch đối diện 244 Kim Giang - P.Đại Kim).

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích mẫu nước mặt tại các sông, hồ ở quận Hoàng Mai, ta thấy chất lượng nước mặt đang bị ô nhiễm bởi hàm lượng BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, Phosphat, Nitrit, DO, chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, E.coli, coliform. Hàm lượng các chất ô nhiễm ở các sông, hồ tương đối cao, đa số các mẫu (38/40 mẫu) đều vượt quy chuẩn rất nhiều lần, nguyên nhân là do nguồn nước có lẫn cả nước thải sinh hoạt và rác thải được thải xuống các sông, hồ. Các sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch, sông Lừ và sông Sét là sông tiêu thoát nước cho toàn Thành phố, do vậy mà chất lượng nước bị ô nhiễm. Bên cạnh đó cũng có những điểm không bị ô nhiễm hoặc ô nhiễm nhẹ, ví dụ như Hồ Vỹ Bình phường Trần Phú, nước mặt Sông Hồng đoạn chảy qua phường Thanh Trì. Các điểm có dấu hiệu chớm ô nhiễm là hồ khu đô thị Đền Lừ, hồ Linh Đàm, hồ sinh thái Vĩnh Hưng.

2.1.3. Hiện trạng môi trường không khí

a. Ô nhiễm không khí tại Khu công nghiệp

Bảng 2.6. Vị trí quan trắc các mẫu không khí khu công nghiệp Hoàng Mai

| Kí hiệu | Vị trí đo và lấy mẫu | Tọa độ VN 2000 | |
|---------|--|----------------|---------|
| | | X | Y |
| KK25 | Mẫu không khí đối diện tòa nhà B, tòa nhà Đồng Phát | 2321284 | 0590295 |
| KK26 | Mẫu không khí tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cuộc sống Việt | 2321183 | 0590392 |
| KK27 | Mẫu không khí tại Công ty cổ phần máy và thiết bị Phú Toàn | 2321107 | 0590656 |
| KK28 | Mẫu không khí tại Công ty bao bì Hòa Bình | 2321368 | 0590705 |
| KK29 | Mẫu không khí tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Khải Anh | 2321305 | 0590506 |
| KK30 | Mẫu không khí tại Công ty TNHH kỹ thuật Đạt | 2321379 | 0590238 |
| KK31 | Mẫu không khí tại Công ty cổ phần thời trang Hanoisimex | 2321368 | 0589944 |
| KK32 | Mẫu không khí tại Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Đức Việt | 2321270 | 0589975 |

Bảng 2.7. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu không khí tại KCN Hoàng Mai

| TT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | | | | | | | | QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ) |
|----|-----------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|---|
| | | | KK25 | KK26 | KK27 | KK28 | KK29 | KK30 | KK31 | KK32 | |
| 1 | Nhiệt độ | °C | 21,7 | 22,3 | 22,6 | 22,5 | 23,3 | 23,5 | 23,1 | 24 | - |
| 2 | Độ ẩm | % | 51,2 | 53,7 | 49,5 | 51,7 | 53,1 | 55,1 | 51,6 | 52,9 | - |
| 3 | Vận tốc gió | m/s | 1,6 | 2,4 | 1,8 | 2,4 | 3,0 | 1,8 | 1,7 | 0,7 | - |
| 4 | Hướng gió | - | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | - |
| 5 | SO ₂ | µg/m ³ | 114 | 98 | 103 | 125 | 128 | 103 | 98 | 114 | 350 |
| 6 | NO ₂ | µg/m ³ | 47 | 21 | 36 | 23,6 | 37 | 38 | 38 | 30,4 | 200 |
| 7 | Bụi lơ lửng | µg/m ³ | 153 | 175 | 215 | 197 | 214 | 214 | 198 | 206 | 300 |
| 8 | CO | µg/m ³ | 5300 | 6012 | 6120 | 5970 | 6000 | 5970 | 5320 | 6100 | 30000 |
| 9 | Amoniac | µg/m ³ | 64 | 71 | 97 | 102 | 85 | 106 | 104 | 117 | 200* |
| 10 | Hydro | µg/m ³ | 11 | 8,3 | 11,3 | 11,7 | 9,8 | 14,2 | 15,3 | 14,6 | 42* |

| TT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | | | | | | | QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ) |
|----|----------|--------|---------|------|------|------|------|------|------|---|
| | | | KK25 | KK26 | KK27 | KK28 | KK29 | KK30 | KK31 | |
| | sunfua | | | | | | | | | |

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

- (*) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- SO_2 : Kết quả phân tích mẫu khí SO_2 tại khu công nghiệp Hoàng Mai cho thấy, hàm lượng SO_2 tại khu vực khu công nghiệp dao động từ 98 – 128 $\mu g/m^3$, đều nằm trong khoảng cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT đối với SO_2 là 350 $\mu g/m^3$.

- NO_2 : nồng độ khí NO_2 dao động từ 21 - 47 $\mu g/m^3$, đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT đối với NO_2 là 200 $\mu g/m^3$.

- *Bụi lơ lửng*: Kết quả phân tích mẫu bụi tại khu công nghiệp Hoàng Mai cho thấy, nồng độ bụi lơ lửng dao động từ 153 – 215 $\mu g/m^3$, nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT đối với bụi lơ lửng là 300 $\mu g/m^3$. Nhưng sau thời gian diễn ra các hoạt động công nghiệp và giao thông trở lại bình thường, hàm lượng bụi lơ lửng tại các khu vực này so với quy chuẩn cho phép vẫn tương đối cao, xấp xỉ bằng với ngưỡng cho phép, có thể thấy khu vực này ô nhiễm không khí về chỉ tiêu bụi lơ lửng đang ở mức cảnh báo và cần có giải pháp triệt để.

- CO : hàm lượng CO dao động từ 5300 – 6120 $\mu g/m^3$, đều nằm dưới ngưỡng cho phép và tương đối thấp so với QCVN 05:2013/BTNMT đối với CO là 30000 $\mu g/m^3$. Như vậy không khí tại khu vực khu công nghiệp Hoàng Mai chưa có dấu hiệu ô nhiễm khí CO , nhưng cũng cần các biện pháp để đảm bảo và giữ gìn mức độ khí CO trong khu vực.

- NH_3 : Hàm lượng NH_3 trong không khí tại khu vực khu công nghiệp Hoàng Mai dao động từ 64 – 117 $\mu g/m^3$, phần lớn đạt yêu cầu cho phép so với QCVN 06:2009/TNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, đối với NH_3 là 200 $\mu g/m^3$). Tuy nhiên hàm lượng NH_3 vẫn còn ở mức cao, tại một số khu vực gần bằng 1/2 so với quy chuẩn cho phép, cần có những giải pháp để giảm thiểu NH_3 hiệu quả.

- H_2S : Kết quả phân tích mẫu khí tại khu công nghiệp Hoàng Mai cho thấy, hàm lượng H_2S trong không khí dao động từ 8,3 – 15,3 $\mu g/m^3$. Hàm lượng khí bằng 1/3 so với quy chuẩn cho phép (QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh đối với H_2S là 42 $\mu g/m^3$). Như vậy, mặc dù hàm lượng H_2S trong không khí có phần được cải thiện nhưng vẫn cần được chú ý và có các biện pháp phòng ngừa ngăn ngừa các diễn biến xấu.

b. Ô nhiễm không khí khu vực giao thông và các bến xe

Bảng 2.8. Vị trí quan trắc các mẫu không khí khu vực giao thông và các bến xe

| Kí hiệu | Tên phường | Vị trí đo và lấy mẫu | Tọa độ VN 2000 | |
|---------|-------------------|--|----------------|---------|
| | | | X | Y |
| KK1 | Phường Hoàng Liệt | Mẫu không khí tại bến xe Nước Ngầm | 2319333 | 0587340 |
| KK2 | Phường Hoàng Liệt | Mẫu không khí tại nút giao Pháp Vân | 2319421 | 0588201 |
| KK7 | Phường Thịnh Liệt | Mẫu không khí tại công ty CP vận tải và dịch vụ hàng hóa Hà Nội | 2325231 | 0587058 |
| KK11 | Phường Giáp Bát | Mẫu không khí tại bến xe Giáp Bát trước cửa vào đường Giáp Bát (đối diện số nhà 178/897 Giải Phóng | 2320933 | 0587377 |
| KK15 | Phường Mai Động | Mẫu không khí tại nút giao Tam Trinh – Lĩnh Nam | 2322303 | 0589521 |
| KK17 | Phường Tân Mai | Nút giao thông Trương Định - Tân Mai, đối diện số 10 Tân Mai | 2321350 | 0587787 |
| KK20 | Phường Lĩnh Nam | Mẫu không khí tại nút giao Tam Trinh – vành đai 3 | 2320932 | 0592317 |
| KK21 | Phường Định Công | Mẫu không khí tại nút giao Nguyễn Cảnh Dị - Định Công | 2321290 | 0586617 |

Bảng 2.9. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu không khí khu vực giao thông và các bến xe

| TT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | | | | | | | | QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ) |
|----|-----------------|-------------------|------------|------------|------------|----------|------------|------------|------------|----------|-------------------------------|
| | | | KK1 | KK2 | KK7 | KK 11 | KK 15 | KK 17 | KK 20 | KK 21 | |
| 1 | Nhiệt độ | °C | 22,9 | 22,5 | 18 | 20,6 | 23,3 | 18 | 22,4 | 21,2 | - |
| 2 | Độ ẩm | % | 52,7 | 58,2 | 52,6 | 52,3 | 56,5 | 58,3 | 74,1 | 46,4 | - |
| 3 | Vận tốc gió | m/s | 2,5 | 2,1 | 3,2 | 0,8 | 0,9 | 1,2 | 3 | 1,3 | - |
| 4 | Hướng gió | - | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | - |
| 5 | SO ₂ | µg/m ³ | 361 | 356 | 348 | 223 | 386 | 394 | 375 | 315 | 350 |
| 6 | NO ₂ | µg/m ³ | 239 | 246 | 253 | 183 | 267 | 277 | 241 | 199 | 200 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|-------------|--------------------------|--------|--------|--------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
| 7 | Bụi lơ lửng | $\mu\text{g}/\text{m}^3$ | 258 | 327 | 342 | 219 | 298 | 351 | 358 | 275 | 300 |
| 8 | CO | $\mu\text{g}/\text{m}^3$ | 19.958 | 10.650 | 11.163 | 9.415 | 9.895 | 13.056 | 9.635 | 12.022 | 30000 |

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

Từ kết quả trên ta có được đánh giá chung môi trường không khí tại các trục giao thông chính và các bến xe: Hầu hết các thông số ô nhiễm (bụi, SO_2 , NO_2) đều có điểm vượt GHCP, cụ thể:

- SO_2 : môi trường không khí tại các khu vực giao thông và bến xe trên địa bàn quận Hoàng Mai có hàm lượng SO_2 dao động từ 223 - 394 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. 5/8 vị trí đo có nồng độ SO_2 vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- NO_2 : hàm lượng khí NO_2 dao động từ 183 - 277 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, 6/8 vị trí đo có nồng độ NO_2 vượt so với quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Hàm lượng NO_2 cần kiểm soát hàm lượng NO_2 tránh ảnh hưởng xấu đến chất lượng không khí.

- Bụi lơ lửng: hàm lượng bụi lơ lửng dao động từ 219 – 358 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, hàm lượng bụi lơ lửng cao nhất là mẫu khí tại Nút giao Tam Trinh – Vành đai 3 do là các tuyến giao thông trọng điểm, có lưu lượng xe lưu thông qua lại lớn với nhiều loại xe. 4/8 vị trí đo có nồng độ bụi lơ lửng ở mức cao hơn so với giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT .

- CO: hàm lượng CO tương đối thấp, so sánh quy chuẩn tương đương thấp hơn 1/3 với quy chuẩn, có thể thấy các khu vực trên này còn cách ngưỡng ô nhiễm khá xa. Giữa các khu vực nồng độ CO không có sự chênh lệch nhiều.

c. Ô nhiễm không khí tại khu dân cư quận Hoàng Mai

Bảng 2.10. Vị trí quan trắc các mẫu không khí tại Khu dân cư quận Hoàng Mai

| Kí hiệu mẫu | Vị trí đo và lấy mẫu | Tọa độ VN 2000 | |
|-------------|--|----------------|---------|
| | | X | Y |
| KK3 | Mẫu không khí tại Bùn binh của VP2,3,4,5 – KĐT bán đảo Linh Đàm | 2319168 | 0586246 |
| KK4 | Mẫu không khí tại vị trí cạnh Rice City – KĐT Tây nam Linh Đàm | 2319139 | 0585440 |
| KK5 | Mẫu không khí tại vị trí công ty Hino – KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp | 2318459 | 0587852 |
| KK6 | Mẫu không khí tại sân trước chung cư HH2A– khu dịch vụ nhà ở Hồ Linh Đàm | 2319269 | 0585809 |
| KK8 | Mẫu không khí trước sảnh thang máy KĐT Nam Đô | 2324357 | 0587152 |
| KK9 | Mẫu không khí trước trường tiểu học Thịnh Liệt, KĐT Đồng | 2320078 | 0587985 |

| | Tàu | | |
|------|--|---------|---------|
| KK10 | Mẫu không khí trước cổng Công an phường Giáp Bát | 2321274 | 0587388 |
| KK12 | Mẫu không khí tại KĐT Đền Lừ I | 2321444 | 0589561 |
| KK13 | Mẫu không khí tại vị trí cạnh cổng trường trung học cơ sở Đền Lừ - KĐT Đền Lừ II | 2321701 | 0589054 |
| KK14 | Mẫu không khí tại vị trí đối diện Villa 01 Vĩnh Hoàng – KĐT Vĩnh Hoàng | 2321416 | 0589754 |
| KK16 | Mẫu không khí tại tổ dân phố số 9 – Phường Mai Động | 2322243 | 0590366 |
| KK18 | Mẫu không khí khu dân cư đối diện Agribank số 52 Tân Mai | 2321364 | 0588182 |
| KK19 | Mẫu không khí khu dân cư trước tượng đài Hoàng Văn Thụ, Tương Mai | 2321715 | 0588290 |
| KK22 | Mẫu không khí khu dân cư cạnh UBND Phường Định Công – KĐT Định Công | 2321873 | 0586288 |
| KK23 | Mẫu không khí khu dân cư trước cổng nhà số 46 lô E – KĐT Đại Kim – Định Công | 2320836 | 0586764 |
| KK24 | Mẫu không khí KĐT Kim Văn – Kim Lũ trước sảnh VINA2 | 2320457 | 0585263 |

Bảng 2.11. Kết quả quan trắc và phân tích các mẫu không khí tại các khu dân cư

| TT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | | | | | | | | | | | | | | | | QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 1 giờ) |
|----|-----------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|---------------------------------------|
| | | | KK3 | KK4 | KK5 | KK6 | KK8 | KK9 | KK10 | KK12 | KK13 | KK14 | KK16 | KK18 | KK19 | KK22 | KK23 | KK24 | |
| 1 | Nhiệt độ | °C | 25,0 | 22,1 | 24,2 | 20,7 | 20,5 | 21,6 | 21 | 21 | 21 | 20 | 23,7 | 20,5 | 22,5 | 23,1 | 24,1 | 22,5 | |
| 2 | Độ ẩm | % | 54,6 | 45,7 | 50,3 | 52 | 56,3 | 54,1 | 48 | 57 | 59 | 57 | 57,6 | 62,7 | 58,3 | 69,2 | 59,8 | 67,3 | |
| 3 | Vận tốc gió | m/s | 2,6 | 2,8 | 2,2 | 3 | 1,1 | 2,5 | 3,2 | 0,6 | 0,6 | 0,8 | 0,1 | 1,9 | 0,1 | 0,4 | 0,8 | 1,7 | |
| 4 | Hướng gió | - | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | Đông Nam | - |
| 5 | SO ₂ | µg/m ³ | 97 | 92 | 87 | 97 | 86 | 82 | 92 | 95 | 84 | 92 | 112 | 112 | 153 | 94 | 86,5 | 97 | 350 |
| 6 | NO ₂ | µg/m ³ | 29 | 31,7 | 19 | 26 | 25 | 31 | 34 | 25,7 | 26 | 27 | 36 | 36,4 | 39,5 | 28 | 27,4 | 28,5 | 200 |
| 7 | Bụi lơ lửng | µg/m ³ | 154 | 203 | 165 | 134 | 165 | 185 | 184 | 157 | 194 | 161 | 174 | 215,2 | 196 | 169 | 201 | 178,5 | 300 |
| 8 | CO | µg/m ³ | 5000 | 5360 | 5330 | 4720 | 4600 | 5320 | 5210 | 5620 | 5300 | 4890 | 5410 | 5740 | 5570 | 5210 | 5650 | 4920 | 30000 |

Ghi chú: QCVN 05: 2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (tính trung bình 1h)

Chất lượng môi trường không khí giữa các vị trí có những biến đổi không lớn, cụ thể:

- SO_2 : hàm lượng khí SO_2 tại các vị trí quan trắc dao động từ 82 - 153 $\mu g/m^3$, vẫn nhỏ hơn nhiều so với mức độ tối đa cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT là 350 $\mu g/m^3$.

- NO_2 : hàm lượng khí NO_2 dao động từ 19 - 39,5 $\mu g/m^3$, vẫn thấp hơn nhiều so với mức độ tối đa cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT là 200 $\mu g/m^3$.

- *Bụi lơ lửng*: hàm lượng bụi lơ lửng dao động từ 124 - 215,2 $\mu g/m^3$ ở mức thấp nhưng vẫn tương đối cao so với mức độ tối đa cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT là 300 $\mu g/m^3$.

- CO : hàm lượng CO dao động từ 4600 - 5740 $\mu g/m^3$ ở mức độ tương đối thấp so với mức độ tối đa cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT là 30000 $\mu g/m^3$.

Nhận xét:

Dựa vào kết quả quan trắc và kết quả phân tích chất lượng không khí năm 2022 ở các cụm công nghiệp, tại các nút giao thông và bến xe và tại các khu dân cư chưa bị ô nhiễm bởi các tác nhân (SO_2 , NO_2 , CO , H_2S , NH_3 , bụi lơ lửng). Môi trường không khí quận Hoàng Mai đạt chất lượng so với quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại thời điểm quan trắc).

Kết quả quan trắc tại các tuyến giao thông trọng yếu của Quận, cho thấy môi trường không khí tại quận Hoàng Mai đạt chất lượng so với quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Hoàng Mai là cửa ngõ phía Nam của TP. Hà Nội, có nhiều trục đường giao thông chính, nhiều bến xe lớn (như Giáp Bát, Nước Ngầm) và có khu công nghiệp khá phát triển nên mật độ lưu thông cao có nguy cơ ô nhiễm không khí nếu không được quản lý chặt chẽ và có biện pháp phòng ngừa. Yếu tố nguy cơ nhất hiện nay là hàm lượng bụi tại khu vực quan trắc hàng năm là khá cao, tại khu dân cư dao động từ 124 - 215,2 $\mu g/m^3$, khu giao thông 156 - 243 $\mu g/m^3$, khu công nghiệp 153 - 215 $\mu g/m^3$, hàm lượng bụi cao nhất tại mỗi khu vực gần với ngưỡng quy chuẩn là 300 $\mu g/m^3$. Ngoài nguyên nhân do mật độ giao thông tăng còn do tốc độ đô thị hoá nhanh, nên việc xây dựng và sửa chữa nhà ở, chung cư phát triển cũng là nguy cơ lớn ảnh hưởng tới chất lượng không khí Hoàng Mai nói riêng và chất lượng không khí Hà Nội nói chung.

2.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Quận

2.2.1. Các nguồn gây ô nhiễm nước mặt

- Nước thải sinh hoạt, gồm: nước thải từ các hộ gia đình, khu tập thể, trường học, nhà hàng, khu đô thị... hàng năm đều tăng do tốc độ đô thị hóa. Tuy đã được xử lý nhưng chưa triệt để nên chất lượng nước thải vẫn còn nhiều thông số vượt tiêu chuẩn cho phép.

- Lượng nước thải của Thành phố thoát qua các sông Tô Lịch, Lừ, Sét, Kim Ngưu trên địa bàn quận Hoàng Mai cũng là tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

- *Nước thải công nghiệp*: Hiện nay, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn còn chưa coi trọng việc bảo vệ môi trường, có đầu tư hệ thống xử lý nước thải nhưng không thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nên chất lượng nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn.

- *Nước thải y tế*: Quận Hoàng Mai là nơi tập trung nhiều bệnh viện, phòng khám. Trên địa bàn quận có 03 bệnh viện, 14 trạm y tế và 02 phòng khám trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai. Ngoài ra còn có các phòng khám tư nhân, do vậy lượng nước thải y tế tương đối lớn. Hầu hết các bệnh viện, phòng khám đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường khí

Các nguồn chính gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn quận Hoàng Mai bao gồm: giao thông vận tải; sản xuất công nghiệp; xây dựng; dân sinh; thương mại dịch vụ. Tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu bao gồm: bụi lơ lửng tổng số (TSP), bụi PM10, chì (Pb), Ozon (O₃), các chất vô cơ như Cacbon Monixit (CO), lưu huỳnh Dioxit (SO₂); Oxit Nitơ (NO_x); Hydroclorua (HCl), Hydroflorua (HF), ...; các chất hữu cơ như Hydrocacbon (C_nH_m), Benzene (C₆H₆)...; các chất gây mùi khó chịu như Amoniac (NH₃), Hydrosunfua (H₂S)...; nhiệt, tiếng ồn...

- *Nguồn ô nhiễm từ hoạt động giao thông*:

+ Hoàng Mai là nơi có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông lớn do vậy đây cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí trên địa bàn quận, đặc biệt là sự phát thải các khí CO, VOC và NO₂. Lượng thải các khí này tăng lên hàng năm cùng với sự phát triển về các phương tiện giao thông đường bộ. Xét trên từng phương tiện tham gia giao thông thì thải lượng ô nhiễm không khí là tương đối nhỏ, trong đó trung bình một xe máy xả ra lượng khí thải chỉ bằng ¼ so với xe ô tô. Nhưng do số lượng xe máy tham gia giao thông chiếm tỷ lệ lớn và đã xuống cấp nên xe máy là nguồn đóng góp chính các loại khí ô nhiễm, đặc biệt đối với các khí thải như CO và VOC.

+ Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Hiện trên địa bàn còn nhiều những điểm ùn tắc giao thông vào giờ cao điểm như ngã 3 Nguyễn Hữu Thọ và đường Giải Phóng, phố Định Công, đường Tam Trinh, ngã 3 phố Kim Đồng và đường Giải Phóng, dốc Thúy Lĩnh, dốc đê Nguyễn Khoái.. điều này sẽ dẫn đến làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm không khí do khói bụi, hơi xăng dầu tại các vị trí ùn tắc.

- *Nguồn ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp*:

Hiện trên địa bàn, các ngành sản xuất đa dạng nên thành phần chất thải vào môi trường cũng khác nhau. Nguồn gây ô nhiễm không khí do hoạt động của các ngành sản xuất sản phẩm kim loại, gỗ chế biến lâm sản, giấy, sự hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải đã xả vào bầu khí quyển một lượng lớn các khí CO, SO₂, NO₂, ... Nước thải

công nghiệp, và nước thải bãi rác trong rác thải công nghiệp có nhiều hóa chất độc hại, thải vào môi trường đã gây ô nhiễm môi trường một cách trầm trọng.

- *Nguồn ô nhiễm từ hoạt động xây dựng:*

+ Bên cạnh hoạt động giao thông, hoạt động xây dựng trong quận cũng là nguồn gây ảnh hưởng đến môi trường không khí. Trong những năm gần đây, hoạt động xây dựng các khu chung cư, khu đô thị mới, cầu đường, sửa chữa nhà, vận chuyển vật liệu và phế thải xây dựng, ... diễn ra ở khắp nơi trên địa bàn thành phố, đặc biệt là khu vực nội đô. Các hoạt động như đào lấp đất, phá dỡ công trình cũ, vật liệu xây dựng bị rơi vãi trong quá trình vận chuyển thường gây ô nhiễm bụi đối với môi trường xung quanh.

+ Mặc dù đã có quy định về che chắn bụi tại các công trường xây dựng và phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu và phế thải xây dựng, rửa xe trước khi ra khỏi công trường, phun nước rửa đường nhưng việc thực hiện còn nhiều hạn chế. Vì vậy, đây là nguồn phát tán một lượng lớn bụi vào môi trường không khí. Bên cạnh bụi, các thiết bị xây dựng (máy xúc, máy ủi, ...), các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng còn thải ra môi trường không khí các khí thải khác như: SO₂, CO, VOC,...

- *Nguồn ô nhiễm từ hoạt động dân sinh:*

Ở khu dân sinh khí ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động đun nấu sử dụng nhiên liệu và gây ô nhiễm cục bộ trong phạm vi hộ gia đình. Việc sử dụng than tổ ong trong đun nấu tại nhiều thị trấn, thị tứ và các đô thị khác là nguồn phát thải nhiều loại khí gây ô nhiễm môi trường như CO, SO₂, bụi, ... Tuy nhiên hiện nay, hoạt động này đã giảm đáng kể ở các khu vực đô thị, chỉ còn nhiều ở các khu vực ven đô và vùng nông thôn. Tính đến hết quý III/2021 trên địa bàn Quận chỉ còn 92 trường hợp sử dụng than tổ ong, giảm 95,8% so với năm 2019 (2.180 trường hợp).

- *Nguồn ô nhiễm từ rác thải sinh hoạt:*

Quá trình vận chuyển và lưu giữ chất thải rắn cũng phát sinh mùi từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ gây ô nhiễm môi trường không khí. Các khí phát sinh từ quá trình phân hủy chất hữu cơ trong chất thải rắn bao gồm: Amoni có mùi khai, Hydrosulfur mùi trứng thối, Sunfur hữu cơ mùi bắp cải thối rữa, Mecaptan hôi nồng, Amin mùi cá ươn, Diamin mùi thịt thối, Cl₂ hôi nồng, Phenol mùi ôc đặc trưng.

2.2.3. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất

* *Các nguồn gây ô nhiễm*

- Hiện nay, do các hoạt động sản xuất của công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt đã ảnh hưởng lớn đến môi trường đất. Trong đó, đất có thể bị ô nhiễm kim loại nặng và thoái hoá, bạc màu từ các nguồn ô nhiễm như nước thải, khí thải, chất thải rắn từ các hoạt động sản xuất công nghiệp và sinh hoạt gây ra.

- Ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật: thuốc bảo vệ thực vật bao gồm thuốc trừ sâu, thuốc trừ nấm, thuốc trừ cỏ, thuốc diệt chuột,....

** Các tác nhân gây ô nhiễm*

- Ô nhiễm do tác nhân sinh học: Sử dụng phân hữu cơ trong nông nghiệp chưa qua xử lý chứa các mầm bệnh ký sinh trùng, vi khuẩn,...gây ra các bệnh truyền nhiễm từ đất cho cây trồng, sau đó sang người và động vật.

- Ô nhiễm do tác nhân hóa học: do chất thải từ các nguồn thải công nghiệp; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ,...

- Ô nhiễm do tác nhân vật lý: chủ yếu là ô nhiễm nhiệt và phóng xạ.

2.2.4. Tình hình phát sinh chất thải

2.2.4.1. Tình hình phát sinh chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại là những hợp chất có 1 trong những đặc tính nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và có các đặc tính gây nguy hại khác), hoặc tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe. Trước sự gia tăng nhanh chóng của chất thải nguy hại, công tác quản lý và xử lý loại chất thải này đóng vai trò rất quan trọng.

- Chất thải nguy hại trên địa bàn quận được phát sinh chủ yếu từ 2 nguồn chính đó là hoạt động sản xuất công nghiệp và hoạt động y tế. Nhìn chung nguồn phát sinh chất thải nguy hại phần lớn xuất phát từ các hoạt động công nghiệp, chiếm 80% khối lượng chất thải nguy hại trong tổng số khối lượng chất thải như: dung môi, hoá chất, sơn thải, bao bì chứa hoá chất, dầu nhớt thải... Bên cạnh đó chất thải nguy hại phát sinh ra từ hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ, từ các hàng hoá nhập khẩu có tính chất độc hại, không đạt yêu cầu hoặc hàng hoá tồn lưu đến hết hạn sử dụng, biến đổi dẫn đến phát sinh lượng lớn chất thải cần xử lý. Đặc biệt, chất thải nguy hại trên địa bàn quận Hoàng Mai còn phát sinh từ các hoạt động y tế, các chất thải này phát sinh từ các chất chứa tác nhân gây bệnh (*kim tiêm, ống truyền dịch, bệnh phẩm...*), hoá chất thải chứa thành phần nguy hại, các loại dược phẩm gây độc tế bào.... Đây là nguyên nhân chính gây ô nhiễm và ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư.

- Chất thải nguy hại có nguồn gốc từ y tế phát sinh chủ yếu từ các bệnh viện: bệnh viện Bưu Điện, Bệnh viện y học cổ truyền quân đội, Viện y học phóng xạ và u bướu quân đội, Viện Nam học và hiếm muộn, các phòng khám trên địa bàn quận.... Các chất thải trong quá trình phẫu thuật người, động vật, bao gồm các bộ phận cơ thể và các tổ chức nội tạng; các vật nhọn sắc và dễ gãy có tiếp xúc với máu, mũ trong quá trình mổ xẻ; các chất lỏng sinh học hoặc giấy thấm đã được sử dụng trong y tế, nha khoa, các gạc bông băng có máu, mũ của bệnh nhân, các loại ống nghiệm nuôi cấy vi trùng trong các phòng xét nghiệm, các chất thải ra trong quá trình xét nghiệm, các loại thuốc quá hạn sử dụng ... Hầu hết các chất thải bệnh viện là các chất thải sinh học độc hại và mang tính đặc thù khác với các loại khác, nếu không được phân loại cẩn thận trước khi xả chung với chất thải sinh hoạt sẽ gây ra những nguy hại đáng kể. Các nguồn xả chất lây lan độc hại chủ yếu là các

khu vực xét nghiệm, khu phẫu thuật, bào chế dược. Tuy nhiên, chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các bệnh viện trên địa bàn quận đã được thu gom và xử lý 100%.

- Bên cạnh đó, chất thải nguy hại có nguồn gốc từ hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Chúng được phát tán từ ống khói, ống xả thải hay được vứt bỏ ra các bãi rác hoặc chứa trong thùng phi rò rỉ. Các thành phần nguy hại từ các cơ sở dịch vụ chủ yếu bao gồm các cặn kim loại, dầu mỡ, giấy, giẻ có thấm dầu mỡ từ dịch vụ sửa chữa xe, lõi nhựa chứa mực in từ các cơ sở photocopy và các loại vỏ hộp. Tổng lượng chất thải rắn nguy hại từ các cơ sở dịch vụ thông thường chiếm khoảng 36,9% (trong đó, cặn kim loại chiếm 1,6%; dầu mỡ thải, giấy, giẻ thấm dầu chiếm 23,4%; nhựa, hoá chất, sơn chiếm 11,1%; vỏ hộp hoá chất chiếm 0,8%). Các lõi mực in của máy photocopy, biến thể hỏng được các chủ phát sinh thu gom và bán lại cho người thu mua phế liệu.

2.2.4.2. *Chất thải rắn sinh hoạt*

Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Hoàng Mai đang có xu thế tăng, trung bình mỗi năm tăng khoảng 10%. Trong đó, rác thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh sống, sinh hoạt, hoạt động, sản xuất của con người và động vật. Rác phát sinh từ các hộ gia đình, khu công cộng, khu thương mại, khu xây dựng, bệnh viện, khu xử lý chất thải... Quận Hoàng Mai là một trong những quận có tốc độ đô thị hoá lớn do đó lượng chất thải rắn sinh hoạt được thải ra ngày một nhiều. UBND quận Hoàng Mai đã thường xuyên chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường nên hiện nay hầu hết trên các tuyến đường, ngõ, các điểm công cộng đã được dọn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

2.2.4.3. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường là chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất các nhà máy, xí nghiệp...

- Việc đô thị hoá diễn ra trên địa bàn quận Hoàng Mai nên lượng chất thải rắn thông thường cũng gia tăng. Các đơn vị xây dựng đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nhưng chủ yếu mang tính đối phó với cơ quan chức năng, tình trạng vứt trộm, đổ trộm rác thải xây dựng còn xảy ra.

2.3. Các vấn đề môi trường chính

*** Do các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm trong khu dân cư:**

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 và việc giãn cách xã hội, nên việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường còn chưa thực hiện được. UBND quận đang tiếp tục phối hợp với các Sở ban ngành Thành phố rà soát, tổng hợp hồ sơ đề nghị UBND thành phố di dời.

*** Do hạ tầng giao thông chưa đáp ứng:**

Hiện trên địa bàn Quận có nhiều điểm ùn tắc giao thông vào các giờ cao điểm là do hạ tầng giao thông chưa đáp ứng, trong khi đó còn có bến xe khách và vận tải hàng hoá

nên các phương tiện tham gia giao thông cao. Do vậy, khi tắc đường thì lượng lớn khí thải từ các phương tiện thải ra môi trường.

***Do địa hình trung, nước thải tại sông Tô Lịch, Lừ, Kim Ngưu và sông Sét chạy qua địa bàn quận Hoàng Mai**

Nước thải tại các sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Kim Ngưu và sông Sét đã bị ô nhiễm chảy qua địa bàn quận Hoàng Mai nên người dân trên địa bàn đặc biệt là các khu vực giáp sông thì chịu ảnh hưởng mùi nước thải và mất cảnh quan đô thị.

***Các dự án đang thi công trên địa bàn quận**

Hiện trên địa bàn quận Hoàng Mai đang triển khai nhiều dự án xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị nên vấn đề rác thải xây dựng và bụi là một trong những tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

2.4. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.4.1. Cơ cấu tổ chức và nguồn lực bảo vệ môi trường

*** Về đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường của Quận**

- Phòng Tài nguyên và môi trường có 2 cán bộ phụ trách về môi trường, gồm: 01 Phó trưởng phòng (kiêm nhiệm) và 1 cán bộ hợp đồng.

- Cấp phường: Hiện nay hầu hết các Phường trên không có cán bộ chuyên trách riêng về lĩnh vực bảo vệ môi trường mà chỉ có cán bộ kiêm nhiệm, hỗ trợ giải quyết các vấn đề về môi trường.

2.4.2. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường

- Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND quận Hoàng Mai về bảo vệ môi trường năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 21/01/2021 Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2020 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 21/01/2021 Kết quả thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 25/12/2019 của UBND Thành phố về các biện pháp khắc phục ô nhiễm, cải thiện chỉ số chất lượng không khí (AQI) trên địa bàn Quận.

- Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 29/01/2021 Kết quả thực hiện Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn Quận.

- Văn bản số 210/UBND-TNMT ngày 29/01/2021 về việc triển khai các biện pháp cải thiện chỉ số chất lượng AQI trên địa bàn Thành phố.

- Văn bản số 265/UBND-TNMT ngày 05/02/2021 về việc đẩy mạnh thực thi pháp luật và tuyên truyền, phổ biến công tác bảo tồn đa dạng sinh học và các loài hoang dã.

- Văn bản số 558/UBND-TNMT ngày 19/3/2021 về việc hưởng ứng Ngày Đất ngập nước Thế giới năm 2021 và tăng cường thực thi pháp luật và tuyên truyền, phổ biến công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

- Văn bản số 588/UBND-TNMT ngày 23/3/2021 về việc tuyên truyền và tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Văn bản số 767/UBND-TNMT ngày 09/4/2021 về việc thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Thành phố về việc thay thế và loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng than tổ ong làm nhiên liệu trong sinh hoạt, kinh doanh và dịch vụ.

- Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 13/4/2021 Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quận Hoàng Mai năm 2020 và quý I/2021.

- Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 28/4/2021 Kết quả quý I năm 2021 về thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Thành phố về việc thay thế và loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng than tổ ong.

- Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 05/5/2021 Kết quả thực hiện Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn Quận.

- Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 28/5/2021 của UBND quận Hoàng Mai về việc Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Báo cáo số 175/BC-UBND ngày 28/5/2021 kết quả thực hiện quý I/2021 Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 02/11/2017 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Báo cáo số 191/BC-UBND ngày 07/6/2021 xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường quận Hoàng Mai.

- Văn bản số 1596/UBND-TNMT ngày 17/6/2021 về việc thực hiện Nghị định quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Văn bản số 1725/UBND-TNMT ngày 28/6/2021 về việc tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động đốt rơm rạ, các phụ phẩm cây trồng và chất thải khác không đúng quy định.

- Báo cáo số 242/BC-UBND ngày 28/6/2021 Kết quả quý II năm 2021 về thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Thành phố về việc thay thế và loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng than tổ ong và Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/9/2020 về việc tăng cường biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động đốt rơm rạ, các phụ phẩm cây trồng và chất thải khác.

- Văn bản số 1763/UBND-TNMT ngày 30/6/2021 về việc thực hiện Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 21/5/2021 của Chính phủ quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

- Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 30/6/2021 Kết quả 06 tháng đầu năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp

theo” và Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về các biện pháp khắc phục ô nhiễm, cải thiện chỉ số chất lượng không khí trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 09/7/2021 Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quận Hoàng Mai 06 tháng đầu năm 2021.

- Văn bản số 1848/UBND-TNMT ngày 12/7/2021 về việc triển khai các biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường và đảm bảo vệ sinh môi trường trong mùa mưa bão năm 2021.

- Văn bản số 1849/UBND-TNMT ngày 12/7/2021 về việc đóng góp ý kiến dự thảo kế hoạch tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các khu, cụm công nghiệp.

- Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 30/7/2021 Kết quả triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 742/UBND-ĐT ngày 15/3/2021 về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải quý II/2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Văn bản số 2389/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 về việc cung cấp thông tin về chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

- Văn bản số 2511/UBND-TNMT ngày 30/8/2021 về việc thực hiện Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

- Văn bản số 2629/UBND-TNMT ngày 10/9/2021 về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 23/9/2021 Kết quả triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 742/UBND-ĐT ngày 15/3/2021 về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải quý III/2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Văn bản số 2811/UBND-TNMT ngày 29/9/2021 về việc thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Báo cáo số 397/BC-UBND ngày 08/10/2021 Kết quả quý III năm 2021 về thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Thành phố về việc thay thế và loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng than tổ ong.

- Văn bản số 2924/UBND-TNMT ngày 11/10/2021 về việc tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Báo cáo số 412/BC-UBND ngày 20/10/2021 Kết quả thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2014 và triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Văn bản số 3161/UBND-TNMT ngày 29/10/2021 về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn Quận.

- Văn bản số 3162/UBND-TNMT ngày 29/10/2021 về việc góp ý kiến danh mục ngành nghề được phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trong khu vực có hệ thống cấp nước sạch tập trung trên địa bàn Thành phố.

- Văn bản số 3303/UBND-TNMT ngày 10/11/2021 về việc thực hiện Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Văn bản số 3304/UBND-TNMT ngày 10/11/2021 về việc phối hợp với Đoàn khảo sát của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

- Văn bản số 3323/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 về việc triển khai Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn Quận.

- Văn bản số 3453/UBND-TNMT ngày 24/11/2021 về việc đăng ký tham gia Chương trình phân loại, thu gom và tái chế vỏ hộp sữa tại Khu công nghiệp Hoàng Mai.

- Văn bản số 3465/UBND-TNMT ngày 25/11/2021 về việc thực hiện đo kiểm khí thải xe mô tô, xe gắn máy cũ đang lưu hành trên địa bàn quận Hoàng Mai.

- Văn bản số 3593/UBND-TNMT ngày 02/12/2021 về việc góp ý dự thảo văn bản của UBND Thành phố giao nhiệm vụ thực hiện quản lý bến bãi tập kết, cát, sỏi lòng sông và kinh doanh vật liệu xây dựng ven sông theo quy định của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

2.4.3. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

* Việc tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường; theo dõi thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

UBND quận Hoàng Mai đã chỉ đạo tổ chức triển khai hoàn thành 100% nhiệm vụ tại Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/01/2021 về Bảo vệ môi trường năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai và các nhiệm vụ của UBND thành phố Hà Nội giao.

* Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trong năm 2021 do tình hình dịch COVID-19 nên UBND Quận không chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, chỉ kiểm tra xử lý theo đơn thư hoặc báo chí phản ánh. Năm 2022, UBND Quận đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị liên quan phối hợp kiểm tra, giải quyết 7 vụ việc đơn thư, kiến nghị về ô nhiễm môi trường trên địa bàn, đã có văn bản trả lời phúc đáp các cơ quan chuyển đơn và người có đơn. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước được thể hiện cụ thể tại bảng tổng hợp dưới đây:

| TT | Năm | Số đơn vị đã kiểm tra | Số đơn vị xử phạt vi phạm hành chính | Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (đồng) |
|----|------|-----------------------|--------------------------------------|---|
| 1 | 2022 | 7 | 0 | 0 |

- Kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2020 Quận giao theo Quyết định số 6799/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Hoàng Mai, trong đó:

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (Quyết định số 10943/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND Quận là 489.853.401 đồng), kinh phí sử dụng: 489.853.401 đồng.

2.4.4. Các hoạt động bảo vệ môi trường (thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; cải tạo, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm tồn lưu; hoạt động bảo vệ môi trường khác trên địa bàn)

* Công tác thu gom rác thải.

Trên địa bàn Quận hiện có 02 đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải, gồm: Công ty Cổ phần Môi trường Thăng Long (thực hiện 12 phường) và Xí nghiệp môi trường huyện Thanh Trì (thực hiện 02 phường: Đại Kim và Định Công). Khối lượng, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom năm 2022 là 180.675 tấn, đảm bảo 100% khối lượng rác thải phát sinh.

* Công tác cải tạo, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm tồn lưu:

Trên địa bàn quận chưa có khu vực phải cải tạo, phục hồi ô nhiễm môi trường tồn lưu.

* Công tác truyền thông môi trường (hoạt động bảo vệ môi trường khác trên địa bàn):

- UBND Quận chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND 14 phường thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh các văn bản pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, các kế hoạch hưởng ứng Giờ Trái đất; Ngày Môi trường Thế giới... thông qua các hình thức treo băng rôn, khẩu hiệu về bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/01/2021 về Bảo vệ môi trường năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai đã xây dựng các nội dung tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trong năm gồm:

+ Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của người dân, doanh nghiệp về nghĩa vụ, trách nhiệm về bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trên địa bàn Quận.

+ Vận động người dân không sử dụng than tổ ong trong hoạt động dân sinh, nhất là tại khu dân cư, khu chung cư cao tầng, khu chợ; không đốt rơm rạ; phát động phong trào “chống rác thải nhựa”.

2.4.5. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

*** Kết quả đạt được:**

- Về cấp giấy xác nhận bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền: tính đến ngày 27/12/2022, UBND quận Hoàng Mai đã cấp 05 Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đơn vị trên địa bàn Quận.

- Đã chỉ đạo tổ chức hoàn thành 100% Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/01/2021 về Bảo vệ môi trường năm 2021 trên địa bàn quận Hoàng Mai và các nhiệm vụ của UBND Thành phố giao.

- Đã chỉ đạo UBND các phường tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân không sử dụng bếp than tổ ong theo Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội. Kết quả đầu năm 2022 tổng số bếp than là 253 bếp, cuối năm 2022 tổng số bếp than còn 92 bếp. Không đốt rơm rạ theo chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/09/2020 của UBND thành phố Hà Nội.

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường:

+ Chất lượng môi trường nước mặt: Dựa vào kết quả phân tích mẫu nước mặt tại các sông, hồ ở Quận, cho thấy chất lượng nước mặt năm 2022 đang bị ô nhiễm bởi hàm lượng BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, Phosphat, Nitrit, DO, chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, E.coli, Coliform. Hàm lượng các chất ô nhiễm ở các sông, hồ tương đối cao, đa số các mẫu đều vượt quy chuẩn rất nhiều lần, nguyên nhân là do nguồn nước có lẫn cả nước thải sinh hoạt và rác thải được thải xuống các sông, hồ. Các sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch, sông Lừ và sông Sét là sông tiêu thoát nước cho toàn Thành phố, do vậy mà chất lượng nước bị ô nhiễm. Bên cạnh đó cũng có những điểm không bị ô nhiễm hoặc ô nhiễm nhẹ như Hồ Vững Bình phường Trần Phú, nước mặt Sông Hồng đoạn chảy qua phường Thanh Trì. Các điểm có dấu hiệu chớm ô nhiễm là hồ khu đô thị Đền Lừ, hồ Linh Đàm, hồ sinh thái Vĩnh Hưng.

+ Chất lượng môi trường không khí: Dựa vào kết quả quan trắc và kết quả phân tích chất lượng không khí ở các cụm công nghiệp, tại các nút giao thông và bến xe và tại các khu dân cư cho thấy môi trường không khí tại Quận chưa bị ô nhiễm bởi các tác nhân (SO₂, NO₂, CO, H₂S, NH₃, bụi lơ lửng). Môi trường không khí Quận đạt chất lượng so với quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại thời điểm quan trắc).

+ Chất lượng môi trường đất: Qua kết quả phân tích hàm lượng kim loại nặng trong đất nông nghiệp tại 4 phường Hoàng Liệt, Yên Sở, Trần Phú, Lĩnh Nam đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Kết quả thu gom vận chuyển rác thải: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom được năm 2022 là 180.675 tấn, đảm bảo thu gom 100% khối lượng rác thải phát sinh.

- Hầu hết các đơn vị có đầy đủ thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường và đã nghiêm túc thực hiện nội dung cam kết về bảo vệ môi trường.

*** Tồn tại và hạn chế:**

- Một số các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn do việc sử dụng đất không ổn định hoặc không phù hợp với quy hoạch nên chưa tập trung vào đầu tư hệ thống xử lý môi trường (các đơn vị đang sử dụng đất tại vùng bãi phườn Thanh Trì và Lĩnh Nam, Yên Sở, Trần Phú đặc biệt là các trạm trộn bê tông).

- Các khu dân cư nằm giáp các sông tiêu thoát nước thải của Thành phố chảy qua địa bàn quận (sông Lừ, Sét, Tô Lịch và Kim Ngưu) bị ảnh hưởng do mùi nước thải, các ổ dịch bệnh...

- Một số chung cư cũ hiện nay không có phòng thu gom rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải chỉ là sơ bộ (bể tự hoại).

- Trên địa bàn Quận đang triển khai nhiều dự án xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị nên lượng rác thải xây dựng, đất thải rất lớn; hiện tượng đổ rác thải không đúng nơi quy định và nạn đổ trộm phế thải còn diễn ra.

- Đối với các dự án xây dựng nhà ở khi đã đi vào hoạt động mà chủ dự án đã bàn giao lại cho Ban quản trị tòa nhà quản lý vận hành phân sở hữu chung của nhà chung cư như: cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải... Khi cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, phát hiện hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước thì không quy trách nhiệm vi phạm cho Ban quản trị tòa nhà để lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được vì theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do UBND Thành phố cấp đều quy định chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên trên thực tế thì sau khi hoàn thiện công trình thì chủ đầu tư đã bàn giao công trình cho Ban quản trị tòa nhà quản lý.

2.5. Đề xuất giải pháp

2.5.1. Giải pháp về quản lý

Căn cứ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định, thông tư hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường và căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cấp bách để bảo vệ môi trường của Thành phố; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 03/7/2017; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 08/3/2019 của UBND Thành phố và các Kế hoạch số 72-KH/QU ngày 03/8/2017 của Quận ủy Hoàng Mai Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/5/2017 của Thành ủy Hà Nội “về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”, trong đó nêu cụ thể nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm của đơn vị thực hiện.

2.5.2. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

- Bố trí ngân sách chi cho công tác bảo vệ môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện của Quận.

- Từng bước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường: vận động nhân dân, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, các nhà đầu tư trên địa bàn quận tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương.

- Kiểm tra các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có ảnh hưởng đến môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp với thanh tra chuyên ngành để thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5.3. Giải pháp kỹ thuật

** Bảo vệ môi trường không khí*

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát yêu cầu lắp đặt các thiết bị xử lý khí thải đối với các đơn vị chưa có biện pháp bảo vệ môi trường khí.

- Tăng cường trồng cây xanh theo quy hoạch, chú trọng vào các loại cây đô thị, có khả năng hấp thụ bụi và khí độc cao...

- Chú trọng việc cải tạo, nâng cấp hạ tầng đô thị theo phân cấp; chỉ đạo kiểm tra chặt chẽ các đơn vị vệ sinh môi trường, các phương tiện giao thông chuyên chở vật liệu xây dựng, đất, cát...

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo Quy hoạch, tăng cường phân luồng quản lý giao thông đường bộ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành giao thông (giao thông thông minh).

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức người dân trong việc chấp hành Luật Giao thông đường bộ, xây dựng văn hóa giao thông để hạn chế việc ùn tắc giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí tại các điểm giao thông.

- Kiểm tra xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ xả thải vượt tiêu chuẩn cho phép.

** Bảo vệ môi trường nước*

- Chú trọng vào việc đánh giá chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn quận để kiến nghị đơn vị quản lý có biện pháp xử lý.

- Kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xả nước thải vượt quy chuẩn ra môi trường.

- Xây dựng hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, đảm bảo không để nước thải sinh hoạt của người dân xả xuống các sông, hồ trên địa bàn.

- Trên địa bàn quận Hoàng Mai có bốn con sông chảy qua là Sông Lừ, Sông Sét, Sông Kim Ngưu và Sông Tô Lịch, hiện nay tình trạng ô nhiễm nguồn nước gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân trên địa bàn và làm mất cảnh quan, mỹ quan đô thị. Do vậy, các đơn vị liên quan nghiên cứu các giải pháp, phương thức xử lý để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nguồn nước.

- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội khi tham mưu cho UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước thì quy trách nhiệm rõ đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường sau khi bàn giao công trình để tiếp tục thực hiện công tác BVMT theo quy định của pháp luật.

** Bảo vệ môi trường đất*

- Tuyên truyền cho người dân về công dụng và tác hại của các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu; phương pháp sử dụng.

- Kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu không đúng quy định.

- Khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ, không đốt rơm, rạ trên đất sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở chăn nuôi gia súc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường.

2.5.4. Giải pháp giáo dục truyền thông

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tập huấn nâng cao hiểu biết về công tác bảo vệ môi trường, xây dựng các chuẩn mực, hình thành ý thức, lối nghĩ, cách làm, hành vi ứng xử thân thiện với môi trường.

- Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trong xã hội và mỗi người dân.

- Tuyên truyền về công tác BVMT đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của đơn vị thu gom, xử lý rác thải; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc BVMT, để rác đúng nơi quy định; tác hại của việc sử dụng bếp than tổ ong và việc ảnh hưởng của rác thải nhựa, túi nilon hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả phân tích hàm lượng kim loại nặng trong đất nông nghiệp tại 4 phường Hoàng Liet, Yên Sở, Trần Phú, Lĩnh Nam đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân.

Chất lượng nước mặt đang bị ô nhiễm bởi hàm lượng BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, Phosphat, Nitrit, DO, chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, E.coli, coliform. Hàm lượng các chất ô nhiễm ở các sông, hồ tương đối cao, đa số các mẫu (38/40 mẫu) đều vượt quy chuẩn rất nhiều lần, nguyên nhân là do nguồn nước có lẫn cả nước thải sinh hoạt và rác thải được thải xuống các sông, hồ.

Chất lượng môi trường không khí quận Hoàng Mai tại thời điểm quan trắc đạt so với quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Yếu tố nguy cơ nhất hiện nay là hàm lượng bụi tại khu vực quan trắc hàng năm là khá cao, nguyên nhân do mật độ giao thông tăng còn do tốc độ đô thị hoá nhanh, nên việc xây dựng và sửa chữa nhà ở, chung cư phát triển.

Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các bệnh viện trên địa bàn quận đã được thu gom và xử lý 100%. Tổng lượng chất thải rắn nguy hại từ các cơ sở dịch vụ thông thường chiếm khoảng 36,9% (trong đó, cặn kim loại chiếm 1,6%; dầu mỡ thải, giấy, giẻ thấm dầu chiếm 23,4%; nhựa, hoá chất, sơn chiếm 11,1%; vỏ hộp hoá chất chiếm 0,8%).

Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Hoàng Mai đang có xu thế tăng, trung bình mỗi năm tăng khoảng 10%. Trên địa bàn Quận hiện có 02 đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom năm 2022 là 180.675 tấn, đảm bảo 100% khối lượng rác thải phát sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường của quận còn thiếu, hiện chỉ có 2 cán bộ phụ trách. Trong năm qua, quận đã ban hành 40 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và báo cáo liên quan đến công tác BVMT.

Năm 2022, UBND Quận đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị liên quan phối hợp kiểm tra, giải quyết 7 vụ việc đơn thư, kiến nghị về ô nhiễm môi trường trên địa bàn, đã có văn bản trả lời phúc đáp.

Hầu hết các đơn vị có đầy đủ thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường và đã nghiêm túc thực hiện nội dung cam kết về bảo vệ môi trường. Năm 2022, UBND quận Hoàng Mai đã cấp 05 Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đơn vị trên địa bàn Quận.

Kiến nghị

- Bố trí ngân sách chi cho công tác bảo vệ môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện của Quận.

- Từng bước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ xả thải vượt tiêu chuẩn cho phép.
- Tiếp tục kiểm tra, rà soát yêu lắp đặt các thiết bị xử lý khí thải, nước thải, phân loại và gthu gom CTR, CTNH đối với các nguồn phát sinh.
- Hàng năm thực hiện đánh giá chất lượng môi trường trên địa bàn quận để kiến nghị đơn vị quản lý có biện pháp xử lý.
- Xây dựng hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, đảm bảo không để nước thải sinh hoạt của người dân xả xuống các sông, hồ trên địa bàn.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trê trong xã hội và của mỗi người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. UBND Quận Hoàng Mai (2022), “Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023”.
- [2]. UBND Quận Hoàng Mai (2022), Báo cáo số 258/BC-UBND “Báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quận Hoàng Mai năm 2022”.
- [3]. UBND quận Hoàng Mai (2021), “Báo cáo kết quả 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo” của UBND quận Hoàng Mai”.
- [4]. UBND Quận Hoàng Mai (2021), “Báo cáo hiện trạng môi trường quận Hoàng Mai năm 2021”.
- [5]. UBND Quận Hoàng Mai (2020), “Báo cáo hiện trạng môi trường quận Hoàng Mai năm 2020”.
- [6]. UBND phường Đại Kim (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Đại Kim năm 2022”.
- [7]. UBND phường Định Công (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Định Công năm 2022”.
- [8]. UBND phường Giáp Bát (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Giáp Bát năm 2022”.
- [9]. UBND Hoàng Liệt (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Hoàng Liệt năm 2022”.
- [10]. UBND phường Hoàng Văn Thụ (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Hoàng Văn Thụ năm 2022”.
- [11]. UBND phường Lĩnh Nam (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Lĩnh Nam năm 2022”.
- [12]. UBND phường Mai Động (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Mai Động năm 2022”.
- [13]. UBND phường Tân Mai (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Tân Mai năm 2022”.
- [14]. UBND Thanh Trì (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Thanh Trì năm 2022”.
- [15]. UBND phường Thịnh Liệt (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Thịnh Liệt năm 2022”.

- [16]. UBND phường Trần Phú (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Trần Phú năm 2022”.
- [17]. UBND phường Tương Mai (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Tương Mai năm 2022”.
- [18]. UBND phường Vĩnh Hưng (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Vĩnh Hưng năm 2022”.
- [19]. UBND phường Yên Sở (2022), “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường phường Yên Sở năm 2022”.
- [20]. Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường (2022), “Kết quả quan trắc chất lượng môi trường Quận Hoàng Mai năm 2022”.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh mục chỉ tiêu báo cáo về môi trường cấp Quận

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|----|-----------|---|----------------------------|----------|
| | I | Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường | | |
| | 1 | Môi trường đất | | |
| 1 | 1.1 | Diện tích đất tự nhiên | 4.019,21 Ha | Tổng hợp |
| 2 | 1.2 | Diện tích đất trồng lúa, hoa màu | 580,10 Ha | Tổng hợp |
| 3 | 1.3 | Diện tích đất rừng | 0 Ha | Tổng hợp |
| 4 | 1.4 | Diện tích đất chưa sử dụng | 12,45 Ha | Tổng hợp |
| 5 | 1.6 | Diện tích, tỷ lệ đất nông nghiệp bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hoang mạc hóa | 0 Ha | Tổng hợp |
| | 2 | Môi trường nước | | |
| 6 | 2.1 | Diện tích mặt nước, đất ngập nước (ao, hồ, kênh, mương, sông, suối) | 283,55 Ha | Tổng hợp |
| 7 | 2.2 | Diện tích mặt nước (ao, hồ, kênh, mương, sông) trong các đô thị, khu dân cư | 225,426 Ha | Tổng hợp |
| | 3 | Đa dạng sinh học | | |
| 8 | 4.1 | Diện tích rừng | 0 Ha | Tổng hợp |
| 9 | 4.2 | Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng | 0 Ha | Tổng hợp |
| 10 | 4.3 | Diện tích rừng ngập mặn | 0 Ha | Tổng hợp |
| | II | Các nguồn gây ô nhiễm môi trường | | |
| | 1 | Đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung | | |
| 11 | 1.1 | Số lượng và diện tích đô thị (phân theo cấp từ 1 đến 5) | 0 Ha | Tổng hợp |
| 12 | 1.2 | Số lượng và diện tích khu dân cư nông thôn tập trung | 1.176,2 ha | Thu thập |
| 13 | 1.3 | Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị phát sinh | 3484 m ³ /ngày | Thu thập |
| 14 | 1.4 | Tổng lượng nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn phát sinh | 23127 m ³ /ngày | Tổng hợp |
| 15 | 1.5 | Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh | 0 Tấn/ngày | Thu thập |
| 16 | 1.6 | Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn phát sinh | 412 tấn/ngày | Tổng hợp |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----------|--------------|--|----------------------------|---|
| 17 | 1.7 | Số hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm | 37 Số hộ | Tổng hợp |
| | 2 | Công nghiệp | | |
| 18 | 2.3 | Tổng số và diện tích cụm công nghiệp | 2 cụm, 21,37 ha | Thu thập |
| 19 | 2.12 | Tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp khác nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp | 0 cơ sở | Thu thập |
| 20 | 2.13 | Tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh | 450 m ³ /ngày | Thu thập |
| 21 | 2.14 | Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh | - Tấn/ngày | Thu thập |
| | 3 | Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện | | |
| 22 | 3.4 | Tổng diện tích đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích do khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, công trình thủy điện | 8,87 Ha | Tổng hợp |
| 23 | 3.5 | Tổng diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bị mất do khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, công trình thủy điện | 0 Ha | Tổng hợp |
| | 4 | Giao thông vận tải | | |
| 24 | 4.4 | Số lượng và tổng diện tích bến bãi, nhà ga, bến cảng | Số lượng, ha | Thu thập |
| 25 | 4.5 | Tổng số các cơ sở kinh doanh và lượng xăng, dầu bán ra | 8090 m ³ /tháng | 19 cửa hàng kinh doanh xăng dầu |
| | 5 | Xây dựng | | |
| 26 | 5.1 | Số công trình hạ tầng đô thị đang thi công | 0 Công trình | Thu thập |
| | 6 | Thương mại dịch vụ, du lịch | | |
| 27 | 6.1 | Số lượng khách sạn | 0 khách sạn | Thu thập |
| 28 | 6.2 | Số lượng phòng lưu trú | Số phòng | Thu thập |
| 29 | 6.3 | Số lượng nhà hàng được cấp phép kinh doanh và lượt khách | 279 nhà hàng | Tổng hợp |
| 30 | 6.4 | Số lượng khu thương mại, dịch vụ tập trung | 10 siêu thị | 3 ST hạng 1, 1 ST hạng 2, 6 ST hạng 3, 1 ST chưa xếp hạng |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----------|--------------|--|----------------------------|---|
| 31 | 6.5 | Số lượng chợ dân sinh | 24 chợ | 1 chợ ĐM hạng 1, 23 chợ dân sinh hạng 3 |
| 32 | 6.6 | Số lượng, diện tích khu vui chơi giải trí công cộng và số lượt khách đến | Số lượng, ha, lượt/năm | Thu thập |
| | 7 | Y tế | | |
| 33 | 7.1 | Tổng số các cơ sở y tế | 118 cơ sở | Thu thập |
| 34 | 7.2 | Tổng số giường bệnh | 0 giường | Thu thập |
| 35 | 7.3 | Tổng lượng nước thải y tế | 60 m ³ /ngày | Thu thập |
| 36 | 7.4 | Tổng lượng chất thải rắn y tế thông thường | 0,236 tấn/ngày | Thu thập |
| 37 | 7.5 | Tổng lượng chất thải y tế nguy hại | 0,0018 tấn/ngày | Thu thập |
| | 8 | Nông nghiệp | | |
| 38 | 8.1 | Tổng diện tích đất trồng trọt | 580,14 Ha | Tổng hợp |
| 39 | 8.2 | Tổng sản lượng lương thực | 420 Tấn | Tổng hợp |
| 40 | 8.3 | Tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng | 27,1 Tấn | Tổng hợp |
| 41 | 8.4 | Tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng | 5,9 Tấn | Tổng hợp |
| 42 | 8.5 | Tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ (rom, rạ, tro, trấu, vỏ, củ, quả...) | 90 Tấn | Tổng hợp |
| 43 | 8.6 | Số cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung | 12 cơ sở | Tổng hợp |
| 44 | 8.7 | Số cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung | 10 Số cơ sở | Tổng hợp |
| 45 | 8.8 | Tổng số gia súc | 1240 Nghìn con | Tổng hợp |
| 46 | 8.9 | Tổng số gia cầm | 4500 Nghìn con | Tổng hợp |
| 47 | 8.10 | Tổng diện tích đồng cỏ chăn nuôi | 130,65 Ha | Tổng hợp |
| 48 | 8.11 | Tổng lượng nước thải chăn nuôi phát sinh | 3.694 m ³ /ngày | Trên địa bàn quận có 81 lợn và 15 trâu bò |
| 49 | 8.12 | Tổng lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh | 5.541 kg/ngày | |
| 50 | 8.13 | Tổng diện tích mặt nước, sản lượng nuôi trồng thủy sản | 301,1 Ha | Tổng hợp |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|----|------------|---|------------------------|---|
| 51 | 8.14 | Tổng lượng thuốc thú y sử dụng | 280 lít, 70 kg | 382.000 m ³ khử trùng tại các chợ và các hộ có chăn nuôi |
| 52 | 8.15 | Tổng lượng thuốc thủy sản sử dụng | 200 Tấn/năm | Chủ yếu là vệ sinh ao bằng vôi bột |
| 53 | 8.16 | Tổng lượng thức ăn thủy sản sử dụng | 2300 Tấn/năm | Tổng hợp |
| | 9 | Làng nghề | | |
| 54 | 9.1 | Tổng số làng nghề sản xuất, tái chế kim loại và tổng sản lượng sản phẩm | 2 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 55 | 9.2 | Tổng số làng nghề sản xuất, tái chế nhựa và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 56 | 9.3 | Tổng số làng nghề sản xuất, tái chế giấy và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 57 | 9.4 | Tổng số làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 58 | 9.5 | Tổng số làng nghề sản xuất sản phẩm thuộc da và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 59 | 9.6 | Tổng số làng nghề sản xuất dệt nhuộm và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 60 | 9.7 | Tổng số làng nghề sản xuất đồ mỹ nghệ và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 61 | 9.8 | Tổng số làng nghề sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng và tổng sản lượng sản phẩm | 0 làng nghề, tấn | Tổng hợp |
| 62 | 9.9 | Tổng số làng nghề khác và tổng sản lượng sản phẩm | 2 làng nghề, 38 tấn | Tổng hợp |
| 63 | 9.10 | Tổng lượng nước thải làng nghề phát sinh | 0 m ³ /ngày | Tổng hợp |
| 64 | 9.11 | Tổng lượng chất thải rắn làng nghề phát sinh | 0 Tấn/ngày | Tổng hợp |
| 65 | 9.12 | Tổng lượng chất thải nguy hại làng nghề phát sinh | 0 Tấn/ngày | Tổng hợp |
| | 10 | Khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung | | |
| 66 | 10.1 | Số lượng khu xử lý, điểm, bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung | 0 | Tổng hợp |
| 67 | 10.2 | Tổng lượng chất thải rắn tiếp nhận trong các bãi chôn lấp. | 0 Tấn/ngày | Thu thập |
| | III | Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường | | |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|----|------------|---|--------------|--------------------|
| | 1 | Ban hành văn bản định hướng, quy phạm pháp luật và các văn bản khác | | |
| 68 | 1.1 | Số lượng nghị quyết, chỉ thị về bảo vệ môi trường do các cấp ủy Đảng ban hành | 5 | Thu thập, tổng hợp |
| 69 | 1.2 | Số lượng nghị quyết về bảo vệ môi trường do Hội đồng nhân dân ban hành | 2 | Thu thập, tổng hợp |
| 70 | 1.3 | Số lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường được ban hành | 36 | Thu thập, tổng hợp |
| 71 | 1.4 | Số lượng quy chế, quy định về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân được ban hành | 15 | Thu thập, tổng hợp |
| 72 | 1.6 | Số lượng hương ước, quy ước, quy chế về bảo vệ môi trường của cộng đồng được ban hành | 69 | Thu thập, tổng hợp |
| | 2 | Thực hiện cơ chế, công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường | | |
| 73 | 2.1 | Số lượng dự án đầu tư được xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (cam kết bảo vệ môi trường, giấy đăng ký đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trước đây) | 0 | Thu thập |
| 74 | 2.2 | Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản | 0 | Thu thập |
| | 3 | Kiểm soát, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường | | |
| | 3.1 | Đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung | | |
| 75 | 3.1.1 | Số lượng và tỷ lệ đô thị (phân cấp từ 1 đến 5) có hệ thống xử lý nước thải tập trung | 100% | Thu thập |
| 76 | 3.1.2 | Số lượng và tỷ lệ khu dân cư nông thôn có hệ thống xử lý nước thải tập trung | 100% | Thu thập |
| 77 | 3.1.3 | Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 100% | Thu thập |
| 78 | 3.1.4 | Tỷ lệ nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn được xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 100% | Thu thập |
| 79 | 3.1.5 | Tỷ lệ hộ gia đình đô thị phân loại rác thải tại nguồn | 100% | Thu thập |
| 80 | 3.1.6 | Tỷ lệ các khu vui chơi công cộng có phân loại rác thải tại nguồn | 100% | Thu thập |
| 81 | 3.1.7 | Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn phân loại rác thải tại nguồn | 0% | Thu thập |
| 82 | 3.1.8 | Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt yêu cầu | 99% | Thu thập |
| 83 | 3.1.9 | Số lượng, tỷ lệ chợ dân sinh được thu gom chất thải rắn | 24 chợ, 100% | Tổng hợp |
| | 3.2 | Công nghiệp | | |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----------|--------------|---|----------------------------------|--|
| 84 | 3.2.4 | Tỷ lệ cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung | 0% | Thu thập |
| 85 | 3.2.5 | Tỷ lệ cụm công nghiệp có khu tập kết chất thải rắn công nghiệp | 0% | Thu thập |
| | 3.3 | Giao thông vận tải | | |
| 86 | 3.4.3 | Số lượng, tỷ lệ bến bãi, nhà ga, bến cảng được thu gom chất thải rắn | 0% | Thu thập |
| 87 | 3.4.4 | Số lượng và tỷ lệ bến bãi, nhà ga, bến cảng có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nước chảy tràn | 0% | Thu thập |
| | 3.4 | Nông nghiệp | | |
| 88 | 3.6.1 | Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung có hầm biogas | 2 hộ có hầm biogas | Cả quận có 2 hộ có hầm biogas đang sử dụng |
| 89 | 3.6.2 | Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có hầm biogas | 20% | Thu thập |
| | 3.5 | Làng nghề | | |
| 90 | 3.7.1 | Số lượng làng nghề được khuyến khích phát triển | 0 làng nghề | Thu thập |
| 91 | 3.7.2 | Số lượng, tỷ lệ làng nghề có kết cấu hạ tầng đảm bảo thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 0% | Thu thập |
| 92 | 3.7.3 | Số lượng, tỷ lệ làng nghề được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường | 0% | Thu thập |
| | 4 | Quản lý chất thải | | |
| 93 | 4.1 | Số lượng, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom | Tấn, % | Thu thập |
| 94 | 4.4 | Số lượng, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom | 100% | Thu thập |
| 95 | 4.7 | Số lượng, tỷ lệ phường/xã có đội, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia thu gom rác thải | 2 | Thu thập |
| 96 | 4.18 | Tổng lượng và tỷ lệ nước thải chăn nuôi được sử dụng sản xuất biogas | Khoảng 5 m ³ /ngày/hộ | Thu thập |
| 97 | 4.19 | Tổng lượng và tỷ lệ nước thải chăn nuôi được xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 0 m ³ /ngày, 0 % | Thu thập |
| 98 | 4.20 | Số lượng, tỷ lệ chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, sử dụng | 0 Tấn, 0% | Thu thập |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----|-----------|---|----------------------------|--------------------|
| 99 | 4.21 | Số lượng, tỷ lệ nước thải làng nghề được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 0 m ³ /ngày, 0% | Tổng hợp |
| 100 | 4.22 | Số lượng, tỷ lệ chất thải rắn làng nghề được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 0 Tấn, 0% | Tổng hợp |
| 101 | 4.23 | Số lượng, tỷ lệ chất thải nguy hại làng nghề được thu gom xử lý đạt quy chuẩn môi trường | 0 Tấn, 0% | Tổng hợp |
| 102 | 4.28 | Số lượng lò đốt chất thải y tế | 0 | Thu thập |
| 103 | 4.30 | Số lượng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt | 0 | Thu thập |
| 104 | 5 | Khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường | | |
| 105 | 5.1 | Tổng số, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch | 115.255 | Thu thập |
| 106 | 5.2 | Tổng số, tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh | 100% | Thu thập |
| 107 | 5.3 | Tổng diện tích, tỷ lệ diện tích cây xanh trong các đô thị, khu dân cư | Không có | Thu thập |
| 108 | 5.5 | Diện tích và tỷ lệ đất hoang mạc hóa được cải tạo, phục hồi | Không có | Tổng hợp |
| 109 | 5.6 | Số lượng, tỷ lệ ao, hồ, kênh, mương, sông trong các đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi | 0% | Thu thập |
| | 6 | Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học | | |
| 110 | 6.1 | Tổng diện tích, tỷ lệ rừng đặc dụng, phòng hộ trên diện tích đất rừng | 0 | Thu thập |
| 111 | 6.5 | Số lượng, diện tích các vườn chim, sân chim, vườn sinh thái, khu cảnh quan sinh thái được công nhận, bảo vệ | 0 ha | Tổng hợp |
| 112 | 6.9 | Diện tích rừng thay thế khi thực hiện dự án | 0 Ha | Thu thập |
| 113 | 6.12 | Số cây di sản được vinh danh | 0 cây | Tổng hợp |
| 114 | 6.13 | Số giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm | 0 giống | Tổng hợp |
| | IV | Nguồn lực về bảo vệ môi trường | | |
| | 1 | Nguồn nhân lực | | |
| 115 | 1.1 | Số tổ chức chuyên môn về bảo vệ môi trường | 1 | Thu thập |
| 116 | 1.3 | Số cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường | 14 | Thu thập, tổng hợp |
| 117 | 1.4 | Số lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường | 37 | Tổng hợp |

| TT | Mã số | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----------|--------------|---|----------------------------|--------------------|
| | 2 | Nguồn tài chính | | |
| 118 | 2.1 | Tổng số, tỷ lệ kinh phí đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường | 0 triệu đồng | Thu thập, tổng hợp |
| 119 | 2.2 | Tổng số, tỷ lệ ngân sách nhà nước chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường | 228,9 triệu đồng, 7,14% | Thu thập |
| 120 | 2.13 | Tổng kinh phí đầu tư thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt | 0 triệu đồng | Thu thập |
| 121 | 2.16 | Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường | 0 triệu đồng | Thu thập |

Chú thích:

1. Tổng hợp: Tổng hợp thông tin từ các báo cáo của cấp phường.
2. Thu thập: Thu thập thông tin hoặc yêu cầu các đối tượng liên quan cung cấp thông tin.
3. Thu thập, tổng hợp: Gồm tổng hợp từ số liệu của cấp phường và thu thập bổ sung số liệu trên địa bàn quận.
4. Số liệu theo chỉ tiêu báo cáo từ năm thứ hai trở đi chỉ báo cáo số liệu biến động so với năm trước.